

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : ĐỖ THỊ MINH NGỌC

MÃ SINH VIÊN : A17899

CHUYÊN NGÀNH : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

HÀ NỘI - 2014

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI**

Giáo viên hướng dẫn	: PGS.TS. Lưu Thị Hương
Sinh viên thực hiện	: Đỗ Thị Minh Ngọc
Mã sinh viên	: A17899
Chuyên ngành	: Tài chính – Ngân hàng

HÀ NỘI - 2014

Thang Long University Library

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khoá luận này, em đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ quý báu của các thầy cô, các anh chị và các bạn. Em xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới:

PGS.TS. Lưu Thị Hương đã tận tình hướng dẫn và truyền đạt những kinh nghiệm quý báu cho em trong suốt quá trình làm khoá luận tốt nghiệp.

Ban giám hiệu, Phòng đào tạo, Khoa Kinh tế - Quản lý Trường Đại học Thăng Long đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ em trong quá trình học tập và hoàn thành khoá luận.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em thực tập tại Công ty để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình, bạn bè, những người đã quan tâm giúp đỡ, động viên, khuyến khích em trong suốt thời gian qua để em hoàn thành khoá luận được tốt hơn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do thời gian có hạn, trình độ, kỹ năng của bản thân còn nhiều hạn chế nên khoá luận tốt nghiệp này của em không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo, bổ sung thêm của thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 2014

Sinh viên:

Đỗ Thị Minh Ngọc

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Đỗ Thị Minh Ngọc

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP 1

1.1. Tài sản của doanh nghiệp..... 1

1.1.1. *Khái quát về doanh nghiệp*..... 1

1.1.1.1. *Khái niệm* 1

1.1.1.2. *Phân loại* 1

1.1.1.3. *Các hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp* 3

1.1.2. *Tài sản của doanh nghiệp*..... 4

1.1.2.1. *Khái niệm, đặc điểm, vai trò tài sản của doanh nghiệp*..... 4

1.1.2.2. *Phân loại tài sản trong doanh nghiệp*..... 5

1.2. Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp 10

1.2.1. *Khái niệm hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp*..... 10

1.2.2. *Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp* 10

1.2.2.1. *Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng tài sản của doanh nghiệp* 10

1.2.2.2. *Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp* 11

1.2.2.3. *Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của doanh nghiệp* 14

1.3. Nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp 15

1.3.1. *Nhóm nhân tố chủ quan*..... 15

1.3.1.1. *Trình độ cán bộ quản lý của doanh nghiệp*..... 15

1.3.1.2. *Lao động*..... 16

1.3.1.3. *Trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh*..... 16

1.3.1.4. *Đặc điểm sản xuất – kinh doanh*..... 16

1.3.1.5. *Chính sách quản lý tài sản của doanh nghiệp* 16

1.3.1.6. *Công tác thẩm định dự án*..... 21

1.3.1.7. *Khả năng huy động vốn và cơ cấu vốn* 21

1.3.2. *Nhóm nhân tố khách quan*..... 21

1.3.2.1. *Môi trường kinh tế*..... 22

1.3.2.2. *Cơ chế quản lý và các chính sách kinh tế của Nhà nước*..... 22

1.3.2.3. *Khoa học – công nghệ*..... 23

1.3.2.4. *Thị trường*..... 23

1.3.2.5. *Tài nguyên môi trường*..... 24

1.3.2.6. *Đối thủ cạnh tranh* 24

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI	25
2.1. Giới thiệu Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	25
<i>2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi</i>	<i>25</i>
<i>2.1.2. Cơ cấu tổ chức – nhân sự của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi</i>	<i>26</i>
2.1.2.1. Cơ cấu quản lý bộ máy hiện nay	26
2.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức phòng ban trong công ty	27
2.1.3. Kết quả hoạt động của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	30
2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	33
2.2.1. Thực trạng tài sản của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	33
2.2.1.1. Thực trạng tài sản ngắn hạn của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	34
2.2.1.2. Thực trạng tài sản dài hạn của Công ty	37
2.2.2. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	38
2.2.3. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản của CTCPĐTXD và thương mại Anh Khôi	39
2.2.3.1. Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	40
2.2.3.2. Hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	46
2.3. Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	47
2.3.1. Kết quả đạt được	47
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân	49
2.3.2.1. Hạn chế	49
2.3.2.2. Nguyên nhân	50
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI	53
3.1. Định hướng hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi	53
3.1.1. Định hướng phát triển của ngành Xây dựng	53

3.1.2. Định hướng hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	54
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	56
3.2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tổng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	56
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	57
3.2.2.1. Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu	57
3.2.2.2. Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho.....	59
3.2.2.3. Quản lý tiền mặt một cách hiệu quả, chặt chẽ.....	61
3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	61
3.2.3.1. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các tài sản	61
3.2.3.2. Thẩm định dự án trước khi quyết định đầu tư vào tài sản dài hạn.....	61
3.2.3.3 Tăng cường hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp tài sản cố định	62
3.3. Kiến nghị	63
KẾT LUẬN	

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
CPĐT XD	Cổ phần đầu tư xây dựng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DH	Dài hạn
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
Tr.đ	Triệu đồng
TB	Trung bình

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 - 2013.....	30
Bảng 2.2. Cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	33
Bảng 2.3. Cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.....	34
Bảng 2.4. Cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty các năm 2011 – 2013.....	38
Bảng 2.5. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản.....	39
Bảng 2.6. Khả năng thanh toán	40
Bảng 2.7. Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn	42
Bảng 2.8. Chỉ tiêu đánh giá khoản phải thu khách hàng	43
Bảng 2.9. Khả năng quản lý kho của công ty năm 2012 – 2013.....	44
Bảng 2.10. Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn.....	45
Bảng 2.11. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn	46

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ

Đồ thị 2.1. Chỉ tiêu ROA của công ty so với trung bình ngành	40
Biểu đồ 2.1. Suất hao phí của tài sản cố định.....	47

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi....	26
---	----

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt thì doanh nghiệp nào trang bị cho mình một vũ khí sắc bén mới có thể thắng trong cạnh tranh, tồn tại và phát triển vững mạnh. Các doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thì vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản càng được đặc biệt quan tâm. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và làm tăng thêm giá trị tài sản của chủ sở hữu cho doanh nghiệp.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi là một đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập, tồn tại và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác trên thị trường. Trong những năm qua, Công ty đã quan tâm đến vấn đề sử dụng hiệu quả tài sản. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty vẫn còn thấp so với mục tiêu được đề ra. Từ những nguyên nhân, nguồn gốc phát sinh vấn đề đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động hiệu quả của Công ty. Vì vậy, để có thể phát triển hơn trong môi trường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay đối với Công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng trên, đề tài “*Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi*” được lựa chọn làm khóa luận của em.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.
- **Phạm vi nghiên cứu:** Thực trạng quản lý và sử dụng tài sản tại Công ty CPĐT xây dựng và thương mại Anh Khôi giai đoạn 2011 – 2013. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của khóa luận là phương pháp phân tích, tổng hợp phương pháp so sánh, phương pháp khái quát để đưa ra đánh giá và kết luận từ cơ sở là các số liệu được cung cấp và thực trạng tình hình hoạt động của công ty.

4. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận gồm 3 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Tài sản của doanh nghiệp

1.1.1. Khái quát về doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm

Theo luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 thì: Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh. Như vậy, một doanh nghiệp có thể thực hiện một, một số, hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường.

Xét trên góc độ tài chính, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường nhằm làm tăng giá trị của chủ sở hữu.

1.1.1.2. Phân loại

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp bao gồm các chủ thể kinh doanh: Kinh doanh cá thể, Kinh doanh góp vốn, Công ty.

Kinh doanh cá thể: Là loại hình được thành lập đơn giản nhất, không cần phải có điều lệ chính thức và ít chịu sự quản lý của Nhà nước. Doanh nghiệp này không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp, tất cả lợi nhuận bị tính thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ và các khoản nợ, không có sự tách biệt giữa tài sản cá nhân và tài sản của doanh nghiệp. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp phụ thuộc vào tuổi thọ của người chủ. Tuy nhiên, khả năng thu hút vốn bị hạn chế bởi khả năng của người chủ.

Kinh doanh góp vốn: Việc thành lập doanh nghiệp này dễ dàng và chi phí thành lập thấp. Theo hình thức kinh doanh này, các thành viên chính thức có trách nhiệm vô hạn với các khoản nợ. Mỗi thành viên có trách nhiệm đối với phần tương ứng với phần vốn góp. Nếu như một thành viên không hoàn thành trách nhiệm trả nợ của mình, phần còn lại sẽ do các thành viên khác hoàn trả. Doanh nghiệp tan vỡ khi một trong các thành viên chính thức chết hay rút vốn. Ngoài ra, lãi từ hoạt động kinh doanh của các thành viên phải chịu thuế thu nhập cá nhân. Khả năng về vốn của doanh nghiệp này hạn chế.

Công ty: Là loại hình doanh nghiệp mà ở đó có sự kết hợp ba loại lợi ích: lợi ích của các cổ đông (chủ sở hữu), của hội đồng quản trị và của các nhà quản lý. Theo truyền thống, cổ đông kiểm soát toàn bộ phương hướng, chính sách và hoạt động của công ty. Cổ đông bầu lên hội đồng quản trị, sau đó hội đồng quản trị lựa chọn ban

quản lý. Các nhà quản lý quản lý hoạt động của công ty theo cách thức mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông. Việc tách rời quyền sở hữu khỏi các nhà quản lý mang lại cho công ty các ưu thế so với kinh doanh cá thể và góp vốn:

- Quyền sở hữu có thể dễ dàng chuyển cho cổ đông mới.
- Sự tồn tại của công ty không phụ thuộc vào sự thay đổi số lượng cổ đông.
- Trách nhiệm của cổ đông chỉ giới hạn ở phần vốn mà cổ đông góp vào công ty (trách nhiệm hữu hạn).

Mỗi loại hình doanh nghiệp có những ưu, nhược điểm riêng và phù hợp với quy mô và trình độ phát triển nhất định. Hầu hết các doanh nghiệp lớn hoạt động với tư cách là các công ty. Đây là loại hình phát triển nhất của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp ở Việt Nam bao gồm: Doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, doanh nghiệp tư nhân.

Doanh nghiệp nhà nước: Là doanh nghiệp có vốn đầu tư 100% từ nhà nước, hoạt động phát triển kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu củ xã hội do nhà nước quản lý.

Công ty cổ phần: Là loại hình công ty, trong đó vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ đông. Cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần của doanh nghiệp được gọi là cổ đông và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp

Công ty trách nhiệm hữu hạn: Là loại hình doanh nghiệp không quá 50 thành viên cùng góp vốn thành lập. Công ty TNHH chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn vốn điều lệ của công ty về các khoản nợ của công ty. Nghĩa là doanh nghiệp chỉ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đến đồng vốn cuối cùng thì phá sản, các khoản nợ còn lại vượt quá giới hạn vốn điều lệ sẽ không được công ty thanh toán.

Công ty trách nhiệm hữu hạn gồm hai loại hình:

- *Công ty TNHH một thành viên:* Là loại hình công ty TNHH do một tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu, chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.
- *Công ty TNHH hai thành viên trở lên:* Là loại hình công ty TNHH mà thành viên công ty có từ hai người trở lên, số lượng thành viên không quá 50.

Công ty hợp danh: Là doanh nghiệp trong đó có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh). Ngoài các thành viên hợp danh coa thể có thành viên góp vốn (thành viên góp vốn không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty)

Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp do hai bên hoặc nhiều bên hợp tác thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh hoặc định ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư

hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam hoặc do doanh nghiệp liên doanh hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn. Mỗi bên liên doanh chịu trách nhiệm trong phạm vi nguồn vốn cam kết góp vào vốn pháp định của doanh nghiệp. Doanh nghiệp liên doanh có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư.

Doanh nghiệp tư nhân: Là doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của 1 cá nhân, do cá nhân đó đứng ra tổ chức thành lập doanh nghiệp, quản lý và chịu trách nhiệm về pháp lý.

1.1.1.3. Các hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp

Theo quy định của luật Doanh nghiệp năm 2005: Doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực được cấp giấy phép trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, quá trình hoạt động của doanh nghiệp chính là quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ.

Tuy nhiên, để đạt được mức lợi nhuận mong muốn, doanh nghiệp cần phải có những quyết định về tổ chức hoạt động sản xuất và vận hành quá trình trao đổi.

Doanh nghiệp luôn phải đổi mới với công nghệ. Sự phát triển của công nghệ là một yếu tố góp phần thay đổi phương thức sản xuất, tạo ra nhiều kỹ thuật mới dẫn đến những thay đổi mạnh mẽ trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là đối tượng quản lý của Nhà nước, chịu sự quản lý của Nhà nước. Sự thất bại hay nói lỏng hoạt động của doanh nghiệp được điều chỉnh bằng luật và các văn bản quy phạm pháp luật, bằng cơ chế quản lý tài chính.

Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp phải dự tính được khả năng xảy ra rủi ro, đặc biệt là rủi ro tài chính để tìm cách ứng phó kịp thời và đúng đắn. Trong thời kỳ ngày nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp làm cho các doanh nghiệp phải chuyển dần từ chiến lược trọng cung cổ điển sang chiến lược trọng cầu hiện đại. Những đòi hỏi về chất lượng, mẫu mã, giá cả hàng hóa, về chất lượng dịch vụ ngày càng cao hơn, tinh tế hơn của khách hàng buộc các doanh nghiệp phải thường xuyên thay đổi chính sách sản phẩm, bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả và chất lượng cao.

Doanh nghiệp thường phải đáp ứng được đòi hỏi của các đối tác về mức vốn sở hữu trong cơ cấu vốn. Sự tăng, giảm vốn chủ sở hữu có tác động đáng kể tới hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong các điều kiện kinh tế khác nhau.

- Hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong bất cứ lĩnh vực nào đều gắn liền với vốn, không có vốn thì không thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh được, chính vì vậy người ta thường nói vốn là chìa khoá để mở rộng và phát triển kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp tự chủ và tùy thuộc vào hình thức sở hữu doanh nghiệp mà quyền tự chủ trong kinh doanh được mở rộng trong mức độ cho phép. Trong bình diện tài chính, mỗi doanh nghiệp tự tìm kiếm nguồn vốn trên thị trường và tự chủ trong việc sử dụng vốn. Nhu cầu về vốn của doanh nghiệp được thể hiện ở khâu thành lập doanh nghiệp, trong chu kỳ kinh doanh và khi phải đầu tư thêm. Giai đoạn nào doanh nghiệp cũng có nhu cầu về vốn. Việc huy động vốn để sản xuất kinh doanh thì tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Theo xu hướng hiện nay, các công ty đều chuyển đổi mô hình hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần. Việc huy động vốn của các công ty Cổ phần thường bằng cách bán cổ phần ra công chúng hay huy động vốn từ thị trường chứng khoán. Đây là hình thức huy động vốn chủ yếu hiện nay. Tuy nhiên, không phải lúc nào việc huy động vốn từ thị trường chứng khoán cũng thuận lợi do vậy các doanh nghiệp cần phải có nhiều kênh huy động vốn khác như huy động vốn bằng cách vay từ ngân hàng, vay từ công ty bạn, vay từ cán bộ công nhân viên trong công ty hay bằng hình thức liên doanh, liên kết với các công ty có tiềm lực tài chính mạnh.

- ***Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp***

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động chủ yếu và xuyên suốt đối với các doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo sản phẩm, dịch vụ, tạo ra của cải, vật chất cho doanh nghiệp và cho xã hội. Đối với công ty Cổ phần, hoạt động sản xuất và kinh doanh được công ty lên kế hoạch và được đại hội cổ đông thông qua. Hàng năm đều có đánh giá, nhận xét của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc phải chịu trách nhiệm trước cổ đông nếu kế hoạch kinh doanh, sản xuất của công ty không đạt yêu cầu.

- ***Các hoạt động khác của doanh nghiệp***

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh sản xuất để tạo ra của cải, vật chất thì doanh nghiệp cũng tham gia vào các hoạt động xã hội để thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội. Hiện nay phần lớn các doanh nghiệp đều tham gia vào các hoạt động xã hội như ủng hộ người nghèo, giúp đỡ trẻ mồ côi, lang thang, cơ nhỡ. Ủng hộ các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ các gia đình bị thiên tai, lũ lụt để nâng cao uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp. Thước đo, doanh nghiệp nào nhiệt tình tham gia vào các hoạt động xã hội hiệu quả thì thương hiệu của doanh nghiệp đó sẽ được nâng cao, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp đó sẽ dễ dàng đến được tay người sử dụng.

1.1.2. Tài sản của doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò tài sản của doanh nghiệp

Theo chuẩn mực Kế toán quốc tế: Tài sản là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát, là kết quả của những hoạt động trong quá khứ, mà từ đó một số lợi ích kinh tế

trong tương lai có thể dự kiến trước một cách hợp lý. (Tr.10, *Giáo trình định giá tài sản*, NXB KTQD)

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam: Tài sản là nguồn lực mà doanh nghiệp kiểm soát được và dự tính đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp. (Tr.10, *Giáo trình định giá tài sản*, NXB KTQD)

Tài sản có đặc điểm:

- Thuộc sở hữu của ai đó
- Mỗi tài sản đều có những đặc tính nhất định
- Có thể mang giá trị tinh thần hoặc vật chất
- Là những thứ đã tồn tại (tài sản trước kia) đang tồn tại và có thể có trong tương lai.
- Tính có thể chuyển nhượng, trao đổi: Một tài sản có thể được chuyển nhượng giữa những người đang sống với nhau. Một tài sản có thể được mua, bán, tặng, cho với người thứ ba. Các quyền về tài sản có thể tồn tại dưới dạng có đền bù hoặc không đền bù.

Vai trò của tài sản: Tài sản có vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Muốn hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thuận lợi và phát triển thì việc đầu tư vào tài sản là rất cần thiết. Vì vậy, hiểu và đánh giá đúng về vai trò của tài sản là vấn đề cần thiết đối với doanh nghiệp.

1.1.2.2. Phân loại tài sản trong doanh nghiệp

Có nhiều cách để phân loại tài sản như:

- Theo hình thái biểu hiện, tài sản bao gồm: Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình.
- Theo nguồn hình thành, tài sản bao gồm: Tài sản được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu và Tài sản được tài trợ bởi vốn nợ.
- Theo đặc điểm về thời gian sử dụng, tài sản gồm: Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn.
- Theo tính chất tuần hoàn và luân chuyển, tài sản được chia thành: Tài sản cố định và Tài sản lưu động.

Sau đây là những nghiên cứu khái quát về tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn:

Tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn là những tài sản mà thời gian thu hồi vốn ngắn, trong khoảng thời gian một năm hoặc một chu kỳ kinh doanh. Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp gồm:

Tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền được hiểu là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tài sản tài chính ngắn hạn: Bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi dưới một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh (như: tín phiếu kho Bạc, kỳ

phiếu ngân hàng...) hoặc chứng khoán mua vào bán ra (cổ phiếu, trái phiếu) để kiếm lời và các loại đầu tư tài chính khác không quá một năm.

Các khoản phải thu ngắn hạn: Là các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu nội bộ ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm.

Hàng tồn kho: Bao gồm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng gửi bán, hàng mua đang đi đường...

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm: Chi phí trả trước ngắn hạn, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước, tài sản ngắn hạn khác.

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn: Là những tài sản thường có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài, thời gian sử dụng thường phụ thuộc vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng thì những tài sản có khả năng thu hồi vốn hay thanh toán sau 12 tháng kể từ khi kết thúc năm kế toán được coi là tài sản dài hạn. Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài hơn 12 tháng thì những tài sản có khả năng thu hồi vốn hay thanh toán sau 1 chu kỳ kinh doanh kể từ khi kết thúc kế toán năm được coi là tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn của doanh nghiệp bao gồm:

Các khoản phải thu dài hạn: Bao gồm phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính dài hạn như đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư chứng khoán...

Bất động sản đầu tư: Là những bất động sản bao gồm: Quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ hay cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Một bất động sản đầu tư được ghi nhận là tài sản phải thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, như: Phí dịch vụ tư vấn luật pháp liên quan, thuế trước bạ và các chi phí giao dịch liên quan khác.

Tài sản cố định: Là những tài sản có giá trị lớn, có thời gian sử dụng dài cho các hoạt động của doanh nghiệp và phải thoả mãn đồng thời tất cả các tiêu chuẩn sau:

- Tạo lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Giá trị ban đầu của tài sản phải được xác định một cách tin cậy.

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.
- Có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

Trong điều kiện hiện nay, việc đầu tư đổi mới tài sản cố định là một trong các yếu tố quyết định đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Giải thích cho điều này là do tài sản cố định là yếu tố quyết định năng lực sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu đầu tư hợp lý sẽ đem lại hiệu quả thiết thực, đảm bảo được năng suất, chất lượng, giảm giá trị, tăng giá trị sử dụng của sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên giá trị công nghệ thường có chi phí cao, chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành. Vì vậy việc quản lý tài sản là một yếu tố quyết định đến thành bại của một doanh nghiệp.

Tài sản cố định được phân loại dựa trên các tiêu thức nhất định nhằm phục vụ cho những yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Thông thường có một số cách thức phân loại chủ yếu sau:

Phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện:

Theo phương pháp này, toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp được chia thành hai loại: Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình: Là những tài sản cố định có hình thái vật chất cụ thể do doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh như: Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn...

Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, do doanh nghiệp quản lý và sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn tài sản cố định vô hình. Thông thường, tài sản cố định vô hình bao gồm: Quyền sử dụng đất có thời hạn, nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, phần mềm máy vi tính, bản quyền, bằng sáng chế,...

Phương pháp phân loại này giúp cho người quản lý thấy được cơ cấu đầu tư vào tài sản cố định theo hình thái biểu hiện, là căn cứ để quyết định đầu tư dài hạn hoặc điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho phù hợp và có biện pháp quản lý phù hợp với mỗi loại tài sản cố định.

Phân loại tài sản cố định theo mục đích sử dụng:

Theo phương pháp này, toàn bộ tài sản cố định được chia làm hai loại:

Tài sản cố định dùng cho mục đích kinh doanh: Là những tài sản cố định đang dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản và hoạt động sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp.

Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng: Là những tài sản cố định không mang tính chất sản xuất do doanh nghiệp quản lý và sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp và các hoạt động đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Cách phân loại này giúp cho người quản lý doanh nghiệp thấy được kết cấu tài sản cố định theo mục đích sử dụng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và tính khấu hao tài sản cố định có tính chất sản xuất, có biện pháp quản lý phù hợp với mỗi loại tài sản cố định.

Phân loại tài sản cố định theo tình hình sử dụng:

Căn cứ vào tình hình sử dụng tài sản cố định, có thể chia toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp thành các loại sau:

- Tài sản cố định đang dùng.
- Tài sản cố định chưa cần dùng.
- Tài sản cố định không cần dùng và chờ thanh lý.

Dựa vào cách phân loại này, người quản lý nắm được tổng quát tình hình sử dụng tài sản cố định trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp sử dụng tối đa các tài sản cố định hiện có trong doanh nghiệp, giải phóng nhanh các tài sản cố định không cần dùng và chờ thanh lý để thu hồi vốn.

Tài sản tài chính dài hạn: Là các khoản đầu tư vào việc mua bán các chứng khoán có thời hạn thu hồi trên một năm hoặc góp vốn liên doanh bằng tiền, bằng hiện vật, mua cổ phiếu có thời hạn thu hồi vốn trong thời gian trên một năm và các loại đầu tư khác vượt quá thời hạn trên một năm. Có thể nói tài sản tài chính dài hạn là các khoản vốn mà doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh, ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời hạn trên một năm nhằm tạo ra nguồn lợi tức lâu dài cho doanh nghiệp.

Cụ thể, tài sản tài chính dài hạn bao gồm:

Các chứng khoán dài hạn: Phản ánh giá trị các khoản đầu tư cho việc mua bán các cổ phiếu và trái phiếu có thời hạn trên một năm và có thể bán ra bất cứ lúc nào với mục đích kiếm lợi nhuận. Bao gồm:

– *Cổ phiếu doanh nghiệp:* Là chứng chỉ xác nhận vốn góp của chủ sở hữu vào doanh nghiệp đang hoạt động hoặc bắt đầu thành lập. Doanh nghiệp mua cổ phần được hưởng lợi tức cổ phần (cổ tức) căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng đồng thời chủ sở hữu vốn cũng phải chịu rủi ro khi doanh nghiệp đó bị thua lỗ, giải thể hoặc phá sản theo Điều lệ của doanh nghiệp và luật phá sản của doanh nghiệp. Cổ phần doanh nghiệp có thể có cổ phần thường và cổ phần ưu đãi. Mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phần.

– *Trái phiếu:* Là chứng chỉ vay nợ có kỳ hạn và có lãi do Nhà nước hoặc doanh nghiệp hay các tổ chức, cá nhân phát hành nhằm huy động vốn cho việc đầu tư phát triển. Có 3 loại trái phiếu:

Trái phiếu Chính phủ: Là chứng chỉ vay nợ của Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành dưới các hình thức: Trái phiếu kho Bạc, trái phiếu công trình, trái phiếu xây dựng Tổ quốc.

Trái phiếu địa phương: Là chứng chỉ vay nợ của các chính quyền Tỉnh, Thành phố phát hành.

Trái phiếu Công ty: Là chứng chỉ vay nợ do doanh nghiệp phát hành nhằm vay vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và đổi mới trang thiết bị, công nghệ của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị chứng} & = & \text{Giá} & = & \text{Giá} & + & \text{Các chi phí thu mua (nếu} \\ \text{khoản đầu tư} & & \text{thực tế} & & \text{mua} & & \text{có như: Chi phí môi giới,} \\ \text{dài hạn} & & & & & & \text{giao dịch, lệ phí, thuế và} \\ & & & & & & \text{phí ngân hàng)} \end{array}$$

Các khoản góp vốn liên doanh: Góp vốn liên doanh là một hoạt động đầu tư tài chính mà doanh nghiệp đầu tư vốn vào một doanh nghiệp khác để nhận kết quả kinh doanh và cùng chịu rủi ro (nếu có theo tỷ lệ vốn góp). Vốn góp liên doanh của doanh nghiệp, bao gồm tất cả các loại tài sản, vật tư, tiền vốn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp kể cả vốn vay dài hạn dùng vào việc góp vốn kinh doanh.

Tài sản dài hạn khác: Bao gồm chi phí trả trước dài hạn, tài sản thuê thu nhập hoãn lại, tài sản dài hạn khác.

Phân loại tài sản cố định theo tính luân chuyển:

Tài sản lưu động: Là những đối tượng lao động, tham gia toàn bộ và luân chuyển giá trị một lần vào giá trị sản phẩm. Tài sản lưu động trong doanh nghiệp thường được chia làm hai loại là tài sản lưu động sản xuất (nguyên, nhiên, vật liệu...) và tài sản lưu động lưu thông (Các sản phẩm, thành phẩm chờ tiêu thụ, các loại vốn bằng tiền,...). Tài sản lưu động có đặc điểm là trong quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản lưu động luôn vận động, thay thế và chuyển hoá lẫn nhau, đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục

Tài sản cố định: Là những tư liệu sản xuất, là một trong những loại tài sản có giá trị lớn được huy động và sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mục đích sinh lời. Nó tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo ra sản phẩm sản xuất. Và thường thì các loại tài sản này có chu kỳ sử dụng trong dài hạn. Tài sản cố định được phân thành bất động sản và động sản:

- **Bất động sản:** Là các tài sản bao gồm: Đất đai; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó; các tài sản khác gắn liền với đất đai; các tài sản khác do pháp luật quy định.
- **Động sản:** Là những tài sản cố định không phải là bất động sản.

1.2. Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

Hiệu quả là một thuật ngữ để chỉ mối quan hệ giữa kết quả thực hiện các mục tiêu của chủ thể và chi phí mà chủ thể bỏ ra để có kết quả đó trong điều kiện nhất định. Hiệu quả phản ánh kết quả thực hiện các mục tiêu hành động trong quan hệ với chi phí bỏ ra và hiệu quả được xem xét trong bối cảnh hay điều kiện nhất định, đồng thời cũng được xem xét dưới quan điểm đánh giá của chủ thể nghiên cứu.

Mục tiêu chung của bất kỳ doanh nghiệp nào hướng tới tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa chi phí. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong cuộc cạnh tranh khốc liệt hiện nay, doanh nghiệp đặc biệt quan tâm tới hiệu quả kinh tế.

Hiệu quả kinh tế được hiểu là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp để đạt được các mục tiêu xác định trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Như vậy hiệu quả kinh tế có thể được hiểu là kết quả tổng hợp của một loạt các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của các bộ phận. Trong đó hiệu quả sử dụng tài sản gắn liền với lợi ích của doanh nghiệp cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp luôn tìm mọi biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Hiệu quả sử dụng tài sản bao gồm tài sản lưu động cũng như tài sản cố định có vai trò quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Trong khi tài sản cố định phải được đầu tư trong thời gian dài với lượng vốn lớn thì tài sản lưu động cần các biện pháp linh hoạt, kịp thời phù hợp với từng thời điểm thì mới đem lại hiệu quả cao. Hiệu quả sử dụng tài sản là một trong những căn cứ đánh giá năng lực hoạt động, sản xuất của doanh nghiệp và nó cũng có ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Vì vậy việc quản lý sử dụng tốt tài sản sẽ góp phần làm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp và theo đó, doanh nghiệp đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Như vậy, hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp phản ánh trình độ, năng lực khai thác và sử dụng tài sản của doanh nghiệp sao cho quá trình sản xuất kinh doanh tiến hành bình thường với hiệu quả kinh tế cao nhất.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

1.2.2.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng tài sản của doanh nghiệp

- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)

Chỉ tiêu thể hiện khả năng tạo ra lợi nhuận sau thuế của tài sản mà doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, trong một kỳ phân tích, doanh nghiệp đầu tư 100 đồng tài sản, thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chỉ tiêu này càng cao càng chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp là tốt. Đó là nhân tố giúp nhà quản trị đầu tư theo chiều rộng như mua thêm máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, góp phần nâng cao khả năng đầu tư của chủ doanh nghiệp.

- **Hiệu suất sử dụng tổng tài sản**

$$\text{Hiệu suất sử dụng tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó: Tổng tài sản bình quân trong kỳ là bình quân số học của tổng tài sản có ở đầu kỳ và cuối kỳ.

Chỉ tiêu này cho biết một đơn vị tài sản tạo ra được bao nhiêu đơn vị doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ các tài sản vận động nhanh, hiệu quả sử dụng tài sản càng cao.

1.2.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp

- **Khả năng thanh toán**

Do đặc điểm của tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao, cho nên việc sử dụng hiệu quả tài sản ngắn hạn là sự lựa chọn đánh đổi giữa khả năng sinh lời với tính thanh khoản. Do đó, khi phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp thì thường sử dụng các chỉ tiêu sau đây:

+ **Hệ số thanh toán hiện hành:**

Đây là một trong những thước đo khả năng thanh toán của một doanh nghiệp, được sử dụng rộng rãi nhất là hệ số thanh toán hiện hành.

$$\text{Hệ số thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số thanh toán hiện hành cho thấy doanh nghiệp có bao nhiêu tài sản có thể chuyển đổi thành tiền mặt để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này đo lường khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Nếu hệ số thanh toán hiện hành giảm cho thấy khả năng thanh toán giảm, đó là dấu hiệu báo trước những khó khăn về tài chính sẽ xảy ra. Nếu hệ số này cao, điều đó có nghĩa là doanh nghiệp luôn sẵn sàng thanh toán các khoản nợ. Tuy nhiên, nếu hệ số này cao quá sẽ giảm hiệu quả hoạt động vì doanh nghiệp đầu tư quá nhiều vào tài sản ngắn hạn. Hệ số này lớn hay nhỏ còn phụ thuộc vào đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Chẳng hạn đối với doanh nghiệp thương mại, tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng tài sản nên hệ số này tương đối cao. Vì vậy, khi đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phải dựa vào hệ số trung bình của doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên hệ số này phản ánh tạm thời tình hình thanh toán của doanh nghiệp vì tài sản ngắn hạn gồm các khoản phải thu và hàng tồn kho. Vì vậy, để

đánh giá chính xác hơn về khả năng thanh toán của doanh nghiệp cần xét thêm một số chỉ tiêu khác.

+ *Hệ số thanh toán nhanh:*

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khả năng thanh toán nhanh là chỉ tiêu thể hiện khả năng trả nợ ngắn hạn bằng các tài sản có khả năng chuyển thành tiền một cách nhanh nhất không tính đến hàng tồn kho vì hàng tồn kho là tài sản không dễ dàng chuyển đổi thành tiền, tức là một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao. Chỉ tiêu này thường được các chủ nợ ngắn hạn rất quan tâm vì thông qua chỉ tiêu này, có thể đánh giá được tại thời điểm phân tích doanh nghiệp có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn hay không.

+ *Khả năng thanh toán tức thời*

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khi phân tích về khả năng thanh toán cần phải sử dụng hệ số khả năng thanh toán tức thời vì hệ số này đánh giá sát hơn khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Hệ số này cho biết, với lượng tiền và tương đương tiền hiện có, doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải các khoản nợ bất kỳ lúc nào, đặc biệt là nợ ngắn hạn đến hạn hay không.

- ***Nhóm các chỉ tiêu hoạt động***

Là các hệ số đo lường khả năng hoạt động của doanh nghiệp. Hệ số hoạt động còn được gọi là hệ số hiệu quả hay hệ số luân chuyển. Để nâng cao hệ số hoạt động, các nhà quản trị phải biết những tài sản nào chưa sử dụng, không sử dụng hoặc không tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp. Vì thế doanh nghiệp cần phải biết cách sử dụng chúng sao cho có hiệu quả. Do đó, khi phân tích các chỉ tiêu hoạt động thường sử dụng các chỉ tiêu sau đây:

+ *Vòng quay tài sản ngắn hạn trong kỳ*

$$\text{Vòng quay tài sản ngắn hạn trong kỳ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản ngắn hạn}}$$

$$\text{Thời gian luân chuyển TSNH} = \frac{360}{\text{Vòng quay tài sản ngắn hạn trong kỳ}}$$

Vòng quay tài sản ngắn hạn trong kỳ là chỉ tiêu phản ánh số lần quay của tài sản ngắn hạn trong một thời kỳ nhất định và thường là một năm. Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trên mỗi quan hệ so sánh giữa doanh thu thuần và số tài sản ngắn hạn bỏ ra trong kỳ. Nói cách khác, chỉ tiêu vòng quay tài sản ngắn hạn cho biết trong một năm tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp luân chuyển được bao

nhiều vòng hay một đồng tài sản ngắn hạn tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu này. Số vòng quay càng cao, chứng tỏ tài sản ngắn hạn vận động càng nhanh, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ *Vòng quay các khoản phải thu*

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả của chính sách tín dụng mà doanh nghiệp đã áp dụng với khách hàng. Chỉ tiêu này cho biết khả năng thu nợ của doanh nghiệp trong kỳ phân tích doanh nghiệp đã thu được bao nhiêu nợ và số vốn còn tồn đọng chưa thu được là bao nhiêu. Chỉ số vòng quay càng cao cho thấy doanh nghiệp được khách hàng trả nợ càng nhanh. Nhưng nếu so với các doanh nghiệp cùng ngành mà chỉ số này vẫn quá cao thì doanh nghiệp có thể bị mất khách hàng do họ sẽ chuyển sang tiêu dùng các hàng hóa của đối thủ cạnh tranh mà có thời gian tín dụng dài hơn. Do đó doanh số bán hàng của doanh nghiệp sẽ bị sụt giảm.

+ *Thời gian thu tiền trung bình*

$$\text{Thời gian thu tiền trung bình} = \frac{360}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Chỉ số này cho biết bình quân trong bao nhiêu ngày doanh nghiệp có thể thu hồi các khoản phải thu của mình. Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ và ngược lại. Tuy nhiên kỳ thu tiền bình quân cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể có kết luận chắc chắn mà còn phải xem xét các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như mục tiêu mở rộng thị trường và chính sách tín dụng của doanh nghiệp.

+ *Vòng quay hàng tồn kho*

Vòng quay hàng tồn kho là một tiêu chuẩn để đánh giá doanh nghiệp sử dụng hàng tồn kho của mình hiệu quả như thế nào.

$$\text{Vòng quay của hàng tồn kho} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp hiệu quả như thế nào. Chỉ số này càng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều trong doanh nghiệp. Tuy nhiên nếu chỉ số này quá cao cũng không tốt vì chứng tỏ lượng hàng dự trữ trong kho không nhiều nếu nhu cầu thị trường tăng đột biến thì rất có khả năng doanh nghiệp sẽ không đáp ứng được nhu cầu thị trường và bị đối thủ cạnh tranh giành mất thị phần. Hơn nữa, dự trữ nguyên vật liệu đầu vào không đủ để đáp ứng cho sản xuất khiến sản xuất sẽ bị ngừng trệ. Vì vậy, chỉ số hàng tồn kho cần phải đủ lớn để đảm bảo cho sản xuất và đáp ứng nhu cầu khách

hàng. Lưu ý hàng tồn kho không phải ở mức thấp là tốt, ở mức cao là tốt mà nó phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

+ *Thời gian luân chuyển kho trung bình*

$$\text{Thời gian luân chuyển kho trung bình} = \frac{360}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

Chỉ tiêu này cho ta biết số ngày lượng hàng hàng tồn kho được chuyển đổi thành doanh thu. Hàng tồn kho có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn ở khâu dự trữ. Hệ số này càng cao chứng tỏ công tác quản lý hàng tồn kho càng tốt, hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn càng cao và ngược lại.

Chu kỳ kinh doanh = Thời gian thu tiền TB + Thời gian luân chuyển kho TB

- ***Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn***

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSNH} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{TSNH bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó: Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ là bình quân số học của tài sản ngắn hạn có ở đầu kỳ và cuối kỳ.

Chỉ tiêu này cho biết mỗi đơn vị giá trị tài sản ngắn hạn sử dụng trong kỳ đem lại bao nhiêu đơn vị doanh thu thuần thể hiện sự vận động của tài sản ngắn hạn trong kỳ. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSNH càng cao, đó là nhân tố góp phần nâng cao lợi nhuận. Đây là chỉ tiêu khá quan trọng để đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH vì nếu số vòng quay này nhỏ chứng tỏ TSNH đã không tận dụng hết khả năng mà hiệu quả sử dụng là chỉ tiêu phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh nhỏ và khả năng quay vòng vốn không cao, lợi nhuận tạo ra thấp.

- ***Tỷ suất sinh lời của tài sản ngắn hạn***

$$\text{Tỷ suất sinh lời của TSNH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSNH bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lợi của tài sản ngắn hạn. Nó cho biết mỗi đơn vị giá trị tài sản ngắn hạn có trong kỳ đem lại bao nhiêu đơn vị lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng cao thì hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn càng tốt, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

1.2.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của doanh nghiệp

- ***Hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn***

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSDH} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{TSDH bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó: Tài sản dài hạn bình quân trong kỳ là bình quân số học của tài sản dài hạn có ở đầu kỳ và cuối kỳ. Tài sản dài hạn được xác định là giá trị còn lại tới thời điểm lập báo cáo tức là bằng nguyên giá tài sản cố định trừ đi hao mòn lũy kế.

Chỉ tiêu này cho biết một đơn vị giá trị tài sản dài hạn trong kỳ tạo ra bao nhiêu đơn vị doanh thu. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn càng cao, đó là nhân tố góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh và là nhân tố hấp dẫn nhà đầu tư

- **Tỷ suất sinh lời tài sản dài hạn**

$$\text{Tỷ suất sinh lời TSDH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSDH bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của tài sản dài hạn. Cho biết mỗi đơn vị giá trị tài sản dài hạn có trong kỳ đem lại bao nhiêu đơn vị lợi nhuận sau thuế. Chỉ số này càng cao thì hiệu quả sử dụng tài sản càng cao.

- **Suất hao phí của tài sản cố định**

$$\text{Suất hao phí của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Chỉ tiêu này cho biết doanh nghiệp muốn có 1 đồng doanh thu thuần trong kỳ thì cần bao nhiêu đồng nguyên giá TSCĐ, đó là căn cứ để đầu tư TSCĐ cho phù hợp nhằm đạt được doanh thu như mong muốn.

1.3. Nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

Để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản thì ta phải hiểu rõ về thực trạng tài sản của doanh nghiệp. Ngoài việc tính toán, phân tích các chỉ tiêu và so sánh các năm thông qua chỉ số tài chính. Từ đó đánh giá, xác định các nhân tố tác động tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra các chiến lược và kế hoạch phù hợp với từng giai đoạn để có thể phát huy hiệu quả sử dụng tài sản một cách tối đa giúp cho doanh nghiệp đạt được những mục tiêu đã đề ra. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải phân tích đánh giá và kết hợp hài hòa giữa các nhân tố chủ quan và khách quan để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

1.3.1. Nhóm nhân tố chủ quan

1.3.1.1. Trình độ cán bộ quản lý của doanh nghiệp

Trình độ cán bộ quản lý thể hiện ở trình độ chuyên môn, khả năng tổ chức, quản lý và đưa ra quyết định. Đây là nhân tố đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng tài sản nói riêng. Nếu cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, khả năng tổ chức, quản lý tốt đồng thời đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và phù hợp với tình hình của doanh nghiệp và thị trường thì hiệu quả sử dụng tài sản cao, đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Nếu khả năng tổ chức, quản lý kém, quyết định sai lầm thì tài sản sẽ không được sử dụng một cách hiệu quả dẫn đến doanh nghiệp có thể thua lỗ, thậm chí phá sản.

1.3.1.2. Lao động

Lực lượng lao động có vai trò vô cùng quan trọng, là nhân tố không thể thiếu trong sản xuất. Họ trực tiếp tham gia tạo ra sản phẩm, dịch vụ, trực tiếp tiếp xúc với khách hàng, là nhân tố trực tiếp sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Đối với công nhân sản xuất có tay nghề cao, có khả năng tiếp thu công nghệ mới, phát huy được tính sáng tạo, tự chủ trong công việc, có ý thức giữ gìn và bảo quản tài sản trong quá trình vận hành thì tài sản sẽ được sử dụng hiệu quả hơn đồng thời sẽ tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, hạ giá thành góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Ngược lại, nếu trình độ tay nghề người công nhân thấp, không nắm bắt được các thao tác kỹ thuật, ý thức bảo quản máy móc kém sẽ dẫn đến tình trạng sử dụng lãng phí nguyên vật liệu, giảm tuổi thọ của máy móc làm tăng giá thành, giảm chất lượng sản phẩm, làm giảm doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản giảm.

1.3.1.3. Trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh

Một quy trình sản xuất – kinh doanh hợp lý sẽ khắc phục được tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các khâu, góp phần tiết kiệm nguồn lực, tăng năng suất lao động, giảm chi phí bất hợp lý, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Áp dụng sự tiến bộ của khoa học và công nghệ trong quy trình sản xuất giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp tiếp cận kịp thời với sự tiến bộ của khoa học, công nghệ để đổi mới trang thiết bị thì sẽ giảm được hao mòn vô hình của tài sản cố định, nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

1.3.1.4. Đặc điểm sản xuất – kinh doanh

Đây là nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có đặc điểm khác nhau về ngành nghề kinh doanh sẽ đầu tư vào tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn khác nhau. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn khác nhau nên hệ số sinh lợi của tài sản cũng khác nhau. Doanh nghiệp có đặc điểm hàng hoá khác nhau và đối tượng khách hàng khác nhau nên chính sách tín dụng thương mại cũng khác nhau dẫn đến tỷ trọng khoản phải thu khác nhau. Như vậy, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tác động quan trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản, ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu tài sản, vòng quay và hệ số sinh lợi của tài sản.

1.3.1.5. Chính sách quản lý tài sản của doanh nghiệp

Quản lý tài sản một cách khoa học, chặt chẽ sẽ góp phần làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Quản lý tài sản của doanh nghiệp được thể hiện chủ yếu trong các nội dung sau:

- Quản lý tiền mặt

Quản lý tiền mặt là quyết định mức tồn quỹ tiền mặt, cụ thể là đi tìm bài toán tối ưu để ra quyết định cho mức tồn quỹ tiền mặt sao cho tổng chi phí đạt tối thiểu mà vẫn đủ để duy trì hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

Việc xác định lượng tiền mặt dự trữ chính xác giúp cho doanh nghiệp đáp ứng các nhu cầu về: Giao dịch, dự phòng, tận dụng được những cơ hội thuận lợi trong kinh doanh do chủ động trong hoạt động thanh toán chi trả. Đồng thời doanh nghiệp có thể đưa ra các biện pháp thích hợp đầu tư những khoản tiền nhàn rỗi nhằm thu lợi nhuận như đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Điều này đòi hỏi nhà quản lý phải có năng lực phân tích và phán đoán tình hình trên thị trường tiền tệ, thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó có sự lựa chọn để đưa các quyết định sử dụng ngân quỹ đúng đắn, làm giảm tối đa các rủi ro về lãi suất hoặc tỷ giá hối đoái, tối ưu hoá việc đi vay ngắn hạn, tăng hiệu quả sử dụng tài sản. Vậy quản lý tiền mặt hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn nói riêng và hiệu quả sử dụng tài sản nói chung cho doanh nghiệp.

- Quản lý dự trữ, tồn kho

Trong quá trình luân chuyển vốn ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh thì hàng hóa dự trữ, tồn kho có ý nghĩa rất lớn cho hoạt động của doanh nghiệp, nó như tấm đệm an toàn giữa các giai đoạn khác nhau trong chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do các hoạt động này diễn ra không đồng bộ. Hơn nữa, hàng hóa dự trữ, tồn kho giúp cho doanh nghiệp giảm thiệt hại trước những biến động của thị trường. Tuy nhiên, nếu dự trữ quá nhiều sẽ làm tăng chi phí lưu kho, chi phí bảo quản và gây ứ đọng vốn. Vì vậy, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng sẵn sàng cung ứng của nhà cung cấp cùng với những dự đoán biến động của thị trường, doanh nghiệp cần xác định một mức tồn kho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Quản lý các khoản phải thu

Trong nền kinh tế thị trường, việc mua bán chịu hay còn gọi là tín dụng thương mại là một hoạt động không thể thiếu đối với mọi doanh nghiệp. Do đó, trong các doanh nghiệp hình thành khoản phải thu.

Tín dụng thương mại giúp cho doanh nghiệp đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm, thu hút khách hàng, tăng doanh thu bán hàng, giảm chi phí tồn kho của hàng hóa, góp phần làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản cố định và hạn chế hao mòn vô hình. Tuy nhiên, tín dụng thương mại cũng có thể đem đến những rủi ro cho doanh nghiệp như làm tăng chi phí quản lý, chi phí đòi nợ, chi phí bù đắp cho vốn thiếu hụt, làm tăng chi phí nếu khách hàng không trả được nợ. Do vậy, các nhà quản lý cần so sánh giữa thu

nhập và chi phí tăng thêm để quyết định có nên cấp tín dụng thương mại không cũng như phải quản lý các khoản tín dụng này như thế nào để đảm bảo thu được hiệu quả cao nhất.

Nội dung chủ yếu của chính sách quản lý các khoản phải thu bao gồm: Phân tích khả năng tín dụng của khách hàng, phân tích đánh giá khoản tín dụng được đề nghị, theo dõi các khoản phải thu.

- ***Quản lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Kết quả tài chính cuối cùng của hoạt động đầu tư tài chính dài hạn chính là tổng mức lợi nhuận. Tổng mức lợi nhuận là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hoạt động đầu tư tài chính của doanh nghiệp. Ngoài việc so sánh theo hướng xác định mức biến động tuyệt đối và mức biến động tương đối chỉ tiêu tổng mức lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn, còn phân tích sự biến động tổng mức lợi nhuận do ảnh hưởng của 3 nhân tố:

- Tổng doanh thu hoạt động đầu tư tài chính dài hạn.
- Mức chi phí để tạo ra một đồng doanh thu từ các hoạt động đầu tư tài chính dài hạn.
- Mức lợi nhuận được tạo từ một đồng chi phí hoạt động đầu tư tài chính dài hạn.

Từ mối quan hệ trên, có thể xây dựng phương trình kinh tế sau:

Tổng mức lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính dài hạn	=	Tổng mức doanh thu hoạt động đầu tư tài chính dài hạn	x	Mức chi phí cho một đồng doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn	x	Mức lợi nhuận được tạo ra từ một đồng chi phí hoạt động đầu tư tài chính dài hạn
---	---	--	---	--	---	--

Vận dụng phương pháp loại trừ có thể phân tích sự ảnh hưởng lần lượt từng nhân tố đến chỉ tiêu tổng mức lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp đánh giá, phân tích và xem xét trong số các hoạt động đầu tư tài chính, hoạt động nào mang lại lợi ích kinh tế cao nhất, nhằm lựa chọn hướng đầu tư, loại hình đầu tư, quy mô đầu tư, danh mục đầu tư hợp lý nhất và đạt kết quả cao nhất trong kinh doanh của doanh nghiệp.

- ***Quản lý tài sản cố định***

Để đạt được các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản cố định, doanh nghiệp phải xác định quy mô và chủng loại tài sản cần thiết cho quá trình sản xuất – kinh doanh. Đây là vấn đề thuộc đầu tư xây dựng cơ bản, đòi hỏi doanh nghiệp phải cân nhắc kỹ càng các quyết định về đầu tư dựa trên cơ sở các nguyên tắc và quy trình phân tích dự án đầu tư. Nếu mua nhiều tài sản cố định mà không sử dụng hết sẽ gây ra sự lãng phí vốn, song nếu phương tiện không đủ so với lực lượng lao động thì năng suất sẽ giảm. Trên cơ sở một lượng tài sản cố định đã mua sắm, một mặt doanh nghiệp phải tận

dụng tối đa thời gian và hiệu suất của máy, thực hiện an toàn, tiết kiệm trong vận hành máy, cố gắng khấu hao nhanh để sớm đổi mới và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại. Điều đó sẽ tạo tiền đề cho doanh nghiệp luôn luôn được đổi mới theo hướng tích cực, hiện đại, cung cấp những sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của thị trường, mang tính cạnh tranh cao.

Việc đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định cho thấy khấu hao có tác động lớn đến các chỉ tiêu. Do đó, doanh nghiệp cần xác định phương pháp tính khấu hao tài sản cố định cho thích hợp.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất – kinh doanh, do chịu nhiều tác động bởi nhiều nguyên nhân khác nhau nên tài sản cố định bị giảm dần về giá trị, hay còn gọi là hao mòn. Có hai loại hao mòn tài sản cố định là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

Hao mòn hữu hình là loại hao mòn do quá trình sử dụng và do tác động của môi trường, hình thái vật chất của tài sản cố định bị mài mòn, biến dạng, gãy, vỡ, hỏng...

Hao mòn vô hình là loại hao mòn do tiến bộ của khoa học công nghệ, một loại máy móc, thiết bị mới ra đời ưu việt hơn làm tài sản cố định bị giảm giá hoặc lỗi thời.

Do tài sản cố định bị hao mòn như vậy, doanh nghiệp cần tạo lập quỹ để thu hồi, tái đầu tư vào tài sản mới, doanh nghiệp cần trích khấu hao cho tài sản cố định. Trích khấu hao tài sản cố định là việc tính chuyển một phần giá trị của tài sản cố định tương ứng với phần hao mòn vào giá thành sản phẩm và sẽ thu hồi được phần giá trị đó thông qua tiêu thụ sản phẩm.

Việc xác định mức trích khấu hao là công việc tương đối phức tạp. Trước tiên, doanh nghiệp phải xác định tốc độ hao mòn của tài sản. Điều này rất khó khăn do xác định hao mòn hữu hình đã khó, xác định hao mòn vô hình còn khó hơn, nó đòi hỏi sự hiểu biết, khả năng dự đoán của doanh nghiệp. Khi đã xác định được mức độ hao mòn, doanh nghiệp cần phải cân nhắc đến các yếu tố sau:

Tình hình tiêu thụ sản phẩm do tài sản cố định đó chế tạo trên thị trường. Do tình hình tiêu thụ tác động trực tiếp đến giá bán sản phẩm đồng thời cho biết lượng cầu sản phẩm của doanh nghiệp là bao nhiêu và hoạt động của tài sản cố định sẽ ở mức công suất nào và kéo theo nó hao mòn ở mức độ nào.

Nguồn vốn đầu tư cho tài sản cố định là vốn chủ sở hữu hay vốn vay.

Ảnh hưởng của thuế đến việc trích khấu hao. Do việc trích khấu hao ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến thuế thu nhập mà doanh nghiệp phải nộp.

Quy định của Nhà nước trong việc tính khấu hao: Nhà nước có quy định quản lý trong việc trích khấu hao tài sản cố định như phương pháp tính khấu hao, thời gian sử

dụng định mức của tài sản cố định, tác động trực tiếp đến mức trích khấu hao hàng kỳ của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn được phương pháp tính khấu hao tài sản cố định thích hợp là biện pháp quan trọng để bảo toàn vốn cố định và cũng là một căn cứ quan trọng để xác định thời gian hoàn vốn đầu tư vào tài sản cố định từ các nguồn tài trợ dài hạn.

Tóm lại, mục đích của việc tạo lập quỹ khấu hao là để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định. Khi tài sản cố định chưa được khấu hao hết, chưa được thay thế bằng tài sản cố định mới thì khấu hao được tích lũy và doanh nghiệp có quyền sử dụng số khấu hao lũy kế cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.

Đối với tài sản cố định, bên cạnh việc xác định phương pháp khấu hao thích hợp thì để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, doanh nghiệp cũng cần thường xuyên tiến hành đánh giá, kiểm kê tài sản cố định. Điều này giúp cho nhà quản lý nắm được chính xác số tài sản cố định của doanh nghiệp, tình hình sử dụng cũng như giá trị thực tế của tài sản đó.

Đánh giá tài sản cố định là việc xác định lại giá trị của tài sản cố định tại một thời điểm nhất định. Việc đánh giá chính xác giá trị của tài sản cố định là căn cứ để tính khấu hao nhằm thu hồi vốn. Qua đánh giá và đánh giá lại tài sản cố định còn giúp cho người quản lý nắm được tình hình biến động về vốn của doanh nghiệp để có biện pháp điều chỉnh thích hợp như: chọn hình thức khấu hao phù hợp, thanh lý, nhượng bán tài sản để giải phóng vốn...

Đánh giá tài sản cố định gồm những nội dung sau:

Xác định giá ban đầu của tài sản cố định: Giá ban đầu của tài sản cố định là giá mua và những chi phí khác kèm theo.

Cách đánh giá này giúp cho doanh nghiệp thấy được số tiền vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định ở thời điểm ban đầu, là căn cứ để xác định số tiền phải khấu hao để tái sản xuất giản đơn tài sản cố định.

Xác định giá đánh giá lại tài sản cố định: Giá đánh giá lại tài sản cố định là giá của tài sản tại thời điểm kiểm kê đánh giá. Giá đánh giá lại của tài sản cố định có thể cao hơn hoặc có thể thấp hơn giá ban đầu của nó.

Căn cứ vào kết quả phân tích tình hình cụ thể như: tình hình biến động giá trên thị trường, quan hệ cung cầu trên thị trường về loại tài sản đó, xu hướng về tiến bộ kỹ thuật trong ngành... người quản lý đưa ra quyết định xử lý tài sản một cách chuẩn xác như điều chỉnh mức khấu hao hoặc phương pháp khấu hao, thanh lý, nhượng bán để đổi mới tài sản cố định, hiện đại hoá tài sản cố định thông qua sửa chữa lớn...

1.3.1.6. Công tác thẩm định dự án

Công tác thẩm định dự án và đặc biệt là thẩm định tài chính dự án có vai trò rất quan trọng đối với hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

Nếu công tác thẩm định tài chính dự án được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ với đội ngũ cán bộ thẩm định có trình độ chuyên môn vững vàng thì dự án sẽ được đánh giá một cách chính xác về mức độ cần thiết của dự án đối với doanh nghiệp, quy mô của dự án, chi phí, lợi ích của dự án mang lại và cả những rủi ro có thể gặp phải trong tương lai. Điều này giúp cho doanh nghiệp có những quyết định đầu tư đúng đắn góp phần nâng cao sức mạnh cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu và tăng lợi nhuận làm cho hiệu suất sử dụng tổng tài sản và hệ số sinh lợi tổng tài sản tăng. Ngược lại, công tác thẩm định tài chính dự án không hiệu quả sẽ dẫn đến những quyết định đầu tư sai lầm hoặc doanh nghiệp có thể bỏ qua các cơ hội đầu tư do dự án bị đánh giá sai. Quyết định đầu tư sai lầm sẽ dẫn đến hiệu quả nghiêm trọng. Nếu đầu tư quá nhiều, không đúng hướng, hoặc đầu tư không đồng bộ sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí vốn, làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu đầu tư quá ít không đáp ứng đủ nhu cầu thị trường, từ đó có thể bị mất thị trường, giảm khả năng cạnh tranh. Tất cả các điều này đều dẫn đến tài sản không được khai thác một cách triệt để và làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản.

1.3.1.7. Khả năng huy động vốn và cơ cấu vốn

Vốn là điều kiện không thể thiếu được để một doanh nghiệp được thành lập và tiến hành các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Vốn là nguồn hình thành nên tài sản. Vì vậy, khả năng huy động vốn cũng như vấn đề cơ cấu vốn sẽ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

Nếu doanh nghiệp có khả năng huy động vốn lớn sẽ là cơ hội để mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh, đa dạng hoá các hoạt động đầu tư làm tăng doanh thu cho doanh nghiệp và từ đó làm tăng hiệu suất sử dụng tổng tài sản. Bên cạnh đó, nếu doanh nghiệp duy trì được cơ cấu vốn hợp lý thì chi phí vốn sẽ giảm, góp phần làm giảm chi phí kinh doanh, tăng lợi nhuận và do đó hệ số sinh lợi tổng tài sản sẽ tăng.

1.3.2. Nhóm nhân tố khách quan

Các nhân tố khách quan tác động tới doanh nghiệp, có những lúc thúc đẩy doanh nghiệp phát triển nhưng có lúc kìm hãm sự phát triển của nó. Sự tác động đó không thuộc tầm kiểm soát của doanh nghiệp, do vậy khi gặp những nhân tố này các doanh nghiệp luôn phải tự điều chỉnh cho mình phù hợp với tác động đó.

1.3.2.1. Môi trường kinh tế

Nhân tố này thể hiện các đặc trưng của hệ thống kinh tế trong đó các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất – kinh doanh như: Chu kỳ phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ, tình hình lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, các chính sách tài chính – tín dụng của Nhà nước

Nền kinh tế nằm trong giai đoạn nào của chu kỳ phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế sẽ quyết định đến nhu cầu sản phẩm cũng như khả năng phát triển các hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp.

Hệ thống tài chính tiền tệ, lạm phát, thất nghiệp và các chính sách tài khoá của chính phủ có tác động lớn tới quá trình ra quyết định sản xuất – kinh doanh và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu tỷ lệ lạm phát cao thì hiệu quả sử dụng tài sản thực của doanh nghiệp sẽ khó có thể cao được do sự mất giá của đồng tiền. Ngoài ra, chính sách tài chính tiền tệ cũng tác động lớn đến hoạt động huy động vốn cũng như hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp.

Trong điều kiện nền kinh tế mở cửa, doanh nghiệp còn chịu tác động của thị trường quốc tế. Sự thay đổi chính sách thương mại của các nước, sự bất ổn của nền kinh tế các nước tác động trực tiếp đến thị trường đầu vào và đầu ra của doanh nghiệp.

Như vậy, những thay đổi của môi trường kinh tế ngày càng có tác động mạnh đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp, tạo cho doanh nghiệp những thuận lợi đồng thời cả những khó khăn. Do đó, doanh nghiệp phải luôn đánh giá và dự báo những thay đổi đó để có thể đưa ra biện pháp thích hợp nhằm tranh thủ những cơ hội và hạn chế những tác động tiêu cực từ sự thay đổi của môi trường kinh tế.

1.3.2.2. Cơ chế quản lý và các chính sách kinh tế của Nhà nước

Nhà nước bằng pháp luật và hệ thống chính sách kinh tế, thực hiện chức năng quản lý và điều tiết các nguồn lực trong nền kinh tế. Đối với một đất nước đang phát triển như nước ta, các chính sách của Nhà nước có vai trò quyết định đến quy mô và tốc độ phát triển của nền kinh tế, đến cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư thông qua nguyên thiên nhiên, tài sản xã hội, các nguồn vốn trong nước và ngoài nước cho từng ngành, từng thành phần kinh tế... nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đã được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở pháp luật kinh tế và các biện pháp kinh tế, Nhà nước tạo môi trường và hành lang cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và hướng các hoạt động đó theo kế hoạch kinh tế vĩ mô. Với bất cứ một sự thay đổi nào trong chế độ chính sách hiện hành đều chi phối đến các hoạt động của các doanh nghiệp. Đối với hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp thì các văn bản pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê, quy chế đầu tư... đều gây ảnh hưởng lớn trong suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Một trong những chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước như chính sách thuế. Thuế là công cụ quan trọng của nhà nước để điều tiết kinh tế vĩ mô nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Chính sách thuế của Nhà nước tác động vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vì, mức thuế cao hay thấp sẽ làm cho phần lợi nhuận sau thuế nhiều hay ít, do đó ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng sinh lời của tài sản. Các chính sách khuyến khích đầu tư và những ưu đãi về thuế, về vốn đã thực sự đem lại cho các doanh nghiệp một môi trường kinh doanh ổn định, sôi động để phát triển sản xuất.

Chính sách tiền tệ mở rộng, nhằm tăng lượng tiền cung ứng, khuyến khích đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo việc làm. Trong trường hợp này chính sách tiền tệ nhằm chống suy thoái kinh tế, chống thất nghiệp.

Chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm giảm lượng tiền cung ứng, hạn chế đầu tư, kìm hãm sự phát triển quá đà của nền kinh tế. Trường hợp này chính sách tiền tệ nhằm chống lạm phát.

Chính sách tiền tệ một mặt là cung cấp đầy đủ phương tiện thanh toán cho nền kinh tế, mặt khác phải giữ ổn định giá trị đồng bản tệ.

Vì vậy đứng trước các quyết định đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp luôn phải xét tới các chính sách của Nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng. Sự can thiệp ở mức độ hợp lý của Nhà nước vào hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp là cần thiết và tập trung ở các nội dung như: duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị; định hướng phát triển kinh tế, kích thích phát triển kinh tế thông qua hệ thống pháp luật; phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

1.3.2.3. Khoa học – công nghệ

Khoa học – công nghệ là một trong những nhân tố quyết định đến năng suất lao động và trình độ sản xuất của nền kinh tế nói chung và của từng doanh nghiệp nói riêng. Sự tiến bộ của khoa học – công nghệ sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, giảm bớt chi phí, tăng khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, tiến bộ khoa học – công nghệ cũng có thể làm cho tài sản của doanh nghiệp bị hao mòn vô hình nhanh hơn. Có những máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ... mới chỉ nằm trên các dự án, các dự thảo, phát minh đã trở nên lạc hậu trong chính thời điểm đó.

Như vậy, việc theo dõi cập nhật sự phát triển của khoa học – công nghệ là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp khi lựa chọn phương án đầu tư để có thể đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.

1.3.2.4. Thị trường

Thị trường là nhân tố có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là thị trường đầu vào, thị trường đầu ra và thị trường tài chính.

Khi thị trường đầu vào biến động, giá cả nguyên vật liệu tăng lên sẽ làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp và do đó làm tăng giá bán gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm. Nếu giá bán không tăng lên theo một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ tăng của giá cả nguyên vật liệu đầu vào cùng với sự sụt giảm về số lượng sản phẩm tiêu thụ sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nếu thị trường đầu ra sôi động, nhu cầu lớn kết hợp với sản phẩm của doanh nghiệp có chất lượng cao, giá bán hợp lý, khối lượng đáp ứng nhu cầu thị trường thì sẽ làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Thị trường tài chính là kênh phân phối vốn từ nơi thừa vốn đến nơi có nhu cầu. Thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền và thị trường vốn. Thị trường tiền là thị trường tài chính trong đó các công cụ ngắn hạn được mua bán còn thị trường vốn là thị trường cung cấp vốn trung hạn và dài hạn. Thị trường chứng khoán bao gồm cả thị trường tiền, là nơi mua bán các chứng khoán ngắn hạn và thị trường vốn, nơi mua bán các chứng khoán trung và dài hạn. Như vậy thị trường tài chính và đặc biệt là thị trường chứng khoán có vai trò quan trọng trong việc huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu thị trường chứng khoán hoạt động hiệu quả sẽ là kênh huy động vốn hữu hiệu cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu các doanh nghiệp tập trung quá nhiều vào đầu tư chứng khoán sẽ dẫn đến tình trạng cơ cấu tài sản mất cân đối làm gián tiếp giảm hiệu quả sử dụng tài sản.

1.3.2.5. Tài nguyên môi trường

Tài nguyên môi trường cũng có ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tài sản. Nếu như nguồn tài nguyên dồi dào sẽ làm cho giá mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị rẻ, chi phí sản xuất giảm dẫn đến giá thành sản phẩm giảm và làm tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn. Tuy nhiên tài nguyên môi trường cũng có thể gây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng của tài sản nói riêng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung khi thiên tai xảy ra.

1.3.2.6. Đối thủ cạnh tranh

Đây là một yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tồn tại, phát triển của doanh nghiệp. Nhân tố cạnh tranh bao gồm các yếu tố và điều kiện trong nội bộ ngành sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình kinh doanh của doanh nghiệp như khách hàng, nhà cung cấp, các đối thủ cạnh tranh, các sản phẩm thay thế... Các yếu tố này sẽ quyết định tính chất, mức độ cạnh tranh của ngành và khả năng thu lợi nhuận của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI

2.1. Giới thiệu Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Tên gọi : Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi
Tên viết tắt : CPAK.JSC
Cấp ngày : 26/5/2008
Mã số thuế : 0104351186
Trụ sở chính : Số 367, đường Giải Phóng – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại : 04.37617516
Fax : 04.37617516
Số tài khoản : 0021001519655
Email : info@anhkhoi.com.vn
Website : www.anhkhoi.vn

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi được thành lập ngày 25 tháng 6 năm 2008 theo giấy phép kinh doanh số 0103042969 do sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi hoạt động theo điều lệ và luật doanh nghiệp, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng theo quy định của pháp luật, tự chủ về mặt tài chính và có tư cách pháp nhân. Nhờ vào sự phát huy hiệu quả mọi nguồn lực hiện có, kết tinh của tinh thần lao động sáng tạo, ý chí vượt lên trên trước mọi khó khăn, thời điểm tạo ra đúng thời cơ và không ngừng quản lý chất lượng. Công ty đã phát triển vượt bậc về quy mô sản xuất và lực lượng lao động với tốc độ nhanh và bền vững như hiện nay.

Công ty là đơn vị chuyên hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, máy khai thác mỏ và xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Thi công xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích.
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng
- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng
- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; bốc xếp hàng hoá đường bộ; bốc xếp hàng hoá cảng sông; vận tải hành khách, hàng hóa đường sắt; vận chuyển hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

Đội ngũ tập thể cán bộ, công nhân viên luôn hết mình trong công việc, trang thiết bị hiện đại, nguồn tài chính ổn định luôn đáp ứng được các hợp đồng với quy mô trên toàn quốc có chất lượng, hiệu quả cao nhất. Môi trường làm việc có tính chuyên nghiệp cao, nâng cao nhất khả năng cống hiến của các nhân viên trong công ty.

Coi trọng việc đào tạo bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho nhân viên, cập nhật các thành tựu khoa học kỹ thuật mới trong nước và trên thế giới nhằm có được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn chuyên sâu, có khả năng nhanh nhạy, ứng dụng kịp thời những công nghệ tiên tiến, phương thức quản lý khoa học của các nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới để ứng dụng vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

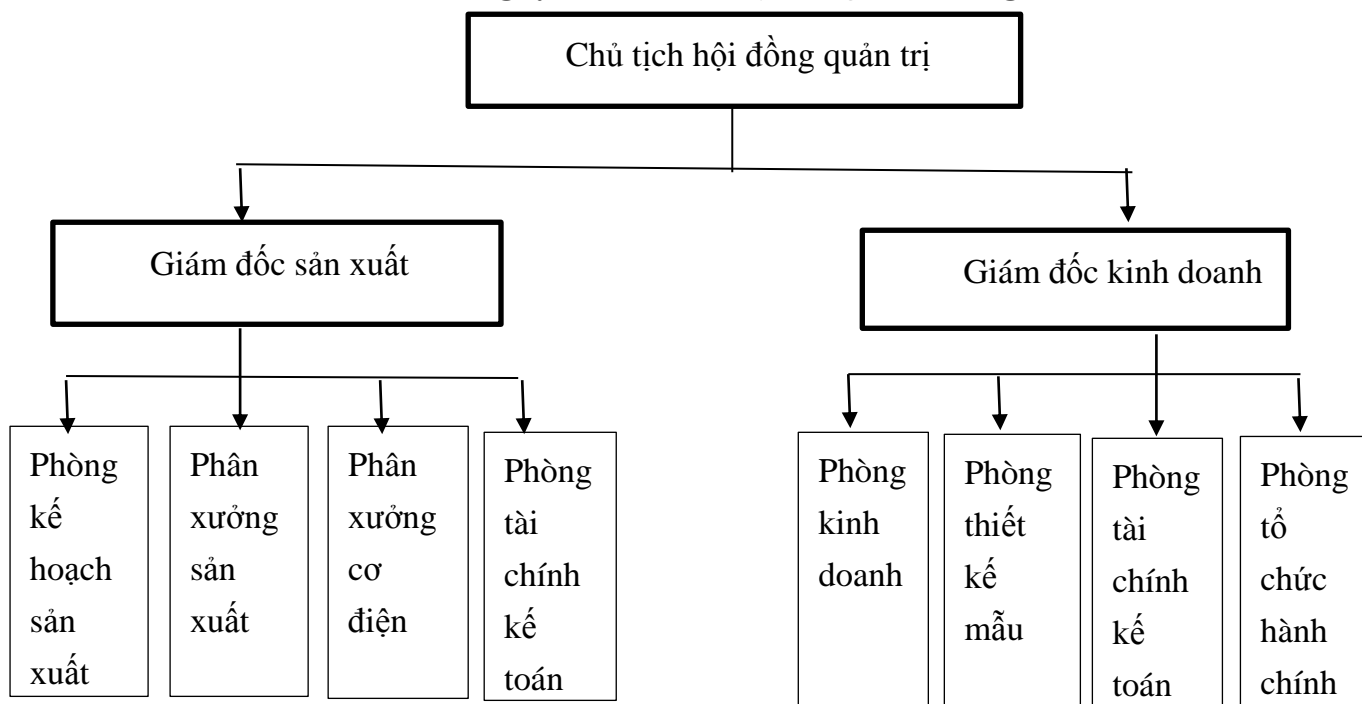
Ứng dụng thành tựu công nghệ tiên tiến trong quản lý, kinh doanh nhằm cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ có chất lượng tốt nhất trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các trình tự đầu tư và xây dựng của pháp luật.

Phấn đấu xây dựng và phát triển công ty thành một địa chỉ uy tín cho khách hàng. Phấn đấu để sản phẩm do công ty cung cấp đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, sự quan tâm ủng hộ của khách hàng là phần thưởng lớn nhất đối với toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty

2.1.2. Cơ cấu tổ chức – nhân sự của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

2.1.2.1. Cơ cấu quản lý bộ máy hiện nay

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính)

2.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức phòng ban trong công ty

Chủ tịch hội đồng quản trị

- Là người có quyền hạn tối cao trong mọi quyết định của Công ty
- Chủ trì các cuộc họp quan trọng của hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động điều hành Công ty của Ban Giám Đốc
- Là người duy nhất ký duyệt các khoản chi về tài chính và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và pháp luật về thu chi tài chính Công ty
- Báo cáo hoạt động kinh doanh về tài chính của Công ty hàng tháng trước hội đồng quản trị

Giám đốc Sản xuất

- Tổ chức sắp xếp và điều hành hoạt động của các bộ phận chức năng, các bộ phận sản xuất làm việc theo đúng nội quy, quy định của Công ty.
- Đề xuất các phương án quản lý, tuyển dụng nhân lực, mua sắm trang thiết bị, điều động tài sản, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nhằm nâng cao năng xuất lao động và hiệu quả sản xuất.
- Tổ chức sắp xếp các phòng ban, phân xưởng tùy theo yêu cầu phát triển, thu hẹp quy mô của đơn vị sau khi phương án tổ chức được phê duyệt.

Giám đốc Kinh doanh

- Điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra giám sát các mặt công nghệ, sản phẩm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ hàng hoá theo các hợp đồng được ký kết với khách hàng;
- Dự báo nhu cầu thị trường, đề xuất chiến lược sản xuất kinh doanh, kiểm soát tình hình, phê duyệt và ký các hợp đồng

Phòng Kế hoạch Sản xuất

- Lập kế hoạch sản xuất và kế hoạch và kế hoạch giá thành sản phẩm theo tháng, quý, năm;
- Lập kế hoạch và tổ chức cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại vật tư phục vụ cho sản xuất của Công ty;
- Thực hiện công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác sửa chữa lớn nhỏ về thiết bị, nhà xưởng và các công trình khác của Công ty;
- Phân tích, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch sản xuất, cung cấp vật tư, làm báo cáo theo định kỳ Báo cáo Giám đốc, Hội đồng quản trị và các đơn vị liên quan.

Phân xưởng Sản xuất

- Triển khai tổ chức sản xuất có hiệu quả theo kế hoạch sản xuất
- Chịu trách nhiệm quản lý, bảo đảm sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị, nhà xưởng
- Quản lý thành phẩm và bán thành phẩm theo đúng quy trình sản xuất
- Theo dõi thông tin nhân viên theo ngành nghề, chuyên môn, chức vụ
- Cập nhật giá thành nguyên vật liệu, chi phí nhân công và khấu hao máy móc thiết bị
- Ghi nhận các quy định tiêu chuẩn chất lượng, mô tả đặc điểm cho sản phẩm, nguyên vật liệu, xác định điều kiện môi trường hoạt động của từng công đoạn theo danh mục do người dùng thiết lập.

- Tham gia công tác kiểm tra, nghiệm thu nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất

Phân xưởng Cơ điện

- Quản lý máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất gạch ốp;
- Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, nghiên cứu cải tiến để nâng cao hiệu suất làm việc của thiết bị.

Phòng kinh doanh

- Lập kế hoạch bán hàng của Công ty.
- Chịu trách nhiệm chính về công việc tổ chức, thực hiện đấu thầu, chào giá phục vụ cho việc bán hàng của Công ty.
- Quản lý công tác thu hồi công nợ từ việc bán hàng của Công ty.
- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch kinh doanh hàng năm, hàng quý của công ty.
- Tham mưu, đề xuất cho ban giám đốc những phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm
- Tham mưu và giúp giám đốc trong việc khai thác mọi nguồn vốn, quản lý sử dụng vốn, cân đối và bố trí nguồn vốn cho các hợp đồng được ký kết, thực hiện thu, chi theo quy định của Nhà nước và công ty
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong Công ty thực hiện công việc tiếp thị, quảng bá sản phẩm của Công ty.
- Cung ứng các loại vật tư chính.
- Giao khoán nội bộ.
- Thẩm tra dự toán, quyết toán các dự án xây lắp do Công ty là chủ đầu tư.

Phòng Thiết kế mẫu

- Quản lý hồ sơ tài liệu về máy móc thiết bị, công nghệ sản phẩm;
- Triển khai thiết kế sản phẩm mới, áp dụng sáng tạo và linh hoạt công nghệ khoa học kỹ thuật mới vào mẫu thiết kế;
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm, nguyên vật liệu, dụng cụ, thiết bị đầu vào phục vụ sản xuất

Phòng Tài chính Kế toán

- Lập kế hoạch tài chính, tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của nhà nước, theo điều lệ hoạt động và hướng dẫn của Công ty;
- Lập báo cáo tài chính phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh theo từng tháng, quý, năm. Báo cáo kịp thời, nhanh chóng, chính xác về tình hình tài chính của Công ty cho Ban Giám Đốc;
- Tư vấn cho Ban Giám Đốc về các vấn đề tài chính, thuế.
- Quản lý vốn nhằm bảo đảm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc đầu tư của Công ty có hiệu quả
- Dự báo các số liệu tài chính, phân tích thông tin, số liệu tài chính kế toán.

Phòng Tổ chức Hành chính

- Tuyển dụng nhân sự phù hợp với yêu cầu của công ty, quản lý hồ sơ lý lịch, hợp đồng lao động của cán bộ công nhân viên toàn Công ty;
- Đào tạo, quản lý, theo dõi tình hình chấp hành kỷ luật lao động, nội quy Công ty của người lao động
- Thực hiện công tác tổng hợp, hành chính, văn thư, lưu trữ. Tiếp nhận, phân loại văn bản đi và đến; tham mưu cho ban giám đốc xử lý các văn bản hành chính nhanh chóng, kịp thời. Quản lý con dấu, chữ ký theo quy định. Cấp giấy công tác, giấy giới thiệu, sao lục các văn bản do công ty ban hành và văn bản của cấp trên theo quy định của Giám đốc
- Quản lý lao động tiền lương và các công tác khác liên quan đến người lao động;
- Thực hiện công tác hành chính trong Công ty theo quy định của nhà nước.

Nhận xét chung về cơ cấu tổ chức:

Với quy mô tổ chức tương đối lớn, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi có cơ cấu tổ chức khá hợp lý, đảm bảo đầy đủ các phòng ban phân chia theo chức năng và chuyên môn hóa theo nghiệp vụ, giữa các phòng ban có sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

2.1.3. Kết quả hoạt động của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 - 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch 2012/2011		Chênh lệch 2013/2012	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)	Tuyệt đối	Tương đối (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(1)	(5)=(4)/(1)	(6)=(3)-(2)	(7)=(6)/(2)
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	7.943,759	18.864,196	21.693,825	10.920,437	137,47	2.829,629	15
2. Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần	7.943,759	18.864,196	21.693,825	10.920,437	137,47	2.829,629	15
4. Giá vốn hàng bán	6.028,724	13.208,841	17.665,549	7.180,117	119,10	4.456,708	33,74
5. Lợi nhuận gộp	1.915,035	5.655,355	4.028,276	3.740,320	195,31	(1.627,097)	(28,77)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-	2,675	5,351	2,675	-	2,676	100,04
7. Chi phí tài chính	223,406	225,927	300,000		1,13	74,073	32,79
8. Chi phí bán hàng	-	-	-		-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.298,209	4.866,194	2.800,069	2,521	274,84	(2.066,125)	(42,46)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	393,600	595,909	933,558	-	43,78	367,649	64,97
11. Thu nhập khác	-	127,480	-	127,480	-	(127,480)	-
12. Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	-	127,480	-	127,480	-	(127,480)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	393,600	693,389	933,558	299,789	76,17	240,169	34,64
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	98,400	173,347	233,390	79,947	76,17	60,042	34,64
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	295,200	520,042	700,169	224,842	76,17	180,127	34,64

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Qua báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty năm 2011, 2012 và 2013 ta thấy:

Tổng doanh thu: năm 2012 tổng doanh thu tăng mạnh so với năm 2011 là 10.920,437 triệu đồng tương đương với 137,48%. Năm 2013, tổng doanh thu tăng 15% so với năm 2012. Điều này cho thấy, doanh thu của công ty các năm sau đều cao hơn

so với năm trước. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho thấy sản phẩm của công ty phù hợp với khách hàng và giúp khả năng thu hồi vốn của công ty tăng, tốc độ quay vòng vốn tăng. Chứng tỏ sự cố gắng của công ty trong quá trình tìm kiếm lợi nhuận, đồng thời nó cũng cho thấy sự cố gắng phát triển của công ty trong quá trình kinh doanh. Đây chính là thành tích mà công ty đã đạt được trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Trong ba năm, các khoản giảm trừ doanh thu của công ty đều được giữ vững và ổn định bằng 0. Lý do là công ty có chính sách quản lý hàng hóa, sản phẩm tốt. Hầu hết các công trình đi vào sử dụng được sự chấp nhận của phía chủ đầu tư, đảm bảo đúng yêu cầu do chủ đầu tư đưa ra. Công ty không có hàng bán bị trả lại và khuyến mại, giảm giá hàng bán không diễn ra như các công ty khác thường làm. Điều này cho thấy uy tín của công ty luôn được duy trì tạo được lòng tin đối với khách hàng.

Doanh thu thuần: Trong ba năm 2011 - 2013, số liệu doanh thu thuần không thay đổi so với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ củ công ty là do không có các khoản giảm trừ doanh thu. Vì vậy, doanh thu thuần vẫn được giữ nguyên.

Giá vốn hàng bán: Năm 2012 đạt 13.208,841 triệu đồng, tăng 7.180,117 triệu đồng so với năm 2011, tương đương 119,10%. Năm 2013 giá vốn hàng bán tăng một lượng 17.665,549 triệu đồng, tương đương 33,74%. Nguyên nhân là doanh thu bán hàng tăng kéo theo giá vốn hàng bán cũng tăng theo. Tuy nhiên ta thấy, năm 2013 tốc độ tăng của giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần so với năm 2012. Trong khi, tốc độ tăng giá vốn hàng bán năm 2013 so với năm 2012 tăng chậm hơn so với tốc độ tăng giá vốn hàng bán năm 2012 so với năm 2011. Điều này, góp phần làm cho lợi nhuận gộp năm 2013 giảm 1.627,097 triệu đồng so với năm 2012. Chứng tỏ công ty quản lý chưa tốt chi phí giá vốn hàng bán do giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh trong thời gian gần đây mà công ty chưa dự kiến và chưa làm chủ được tình hình cũng như chưa có kế hoạch tốt trong việc dự trữ nguyên vật liệu.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính năm 2013 so với năm 2012 tăng 2,676 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 100,04% đồng thời làm cho chi phí tài chính tăng 74,073 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 32,79%. Điều này cho thấy trong năm 2013 hoạt động tài chính của công ty được mở rộng và đầu tư có hiệu quả hơn. Khoản này tăng chủ yếu là do tăng khoản được hưởng chiết khấu thanh toán khi công ty mua hàng (do giảm vốn bằng tiền để trả ngay tiền hàng nhằm hưởng chiết khấu thanh toán) và do lãi bán hàng trả chậm, trả góp tăng (do công ty tăng khoản bán chịu cho khách hàng). Còn năm 2012 so với năm 2011 thì ở năm 2011 không có doanh thu tài chính mà chỉ có chi phí tài chính là 223,406 triệu đồng, điều này do năm 2011 công ty mới bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực này. Mặt khác, ta thấy rằng chi phí tài chính

của công ty chính là lãi vay phải trả và lãi vay tăng dần về năm 2012 và 2013, chứng tỏ quy mô kinh doanh của công ty đang được mở rộng nên lượng vốn cần nhiều hơn.

Chi phí bán hàng: Không phát sinh chi phí bán hàng bởi vì theo tính chất ngành nghề kinh doanh của công ty nên khi bán hay vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa thì toàn bộ chi phí đều được tính vào giá thành sản phẩm và người mua phải chịu toàn bộ. Nguồn cung ứng đầu vào của công ty cũng lấy từ tận nhà máy sản xuất nên cũng không phát sinh thêm khoản chi phí này. Vì vậy, công ty đã tiết kiệm được một khoản để góp phần tăng lợi nhuận chung cho công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Năm 2012 tăng 3.567,985 triệu đồng tương đương với tỷ lệ tăng 274,84% so với năm 2011. Bởi Doanh nghiệp đã không tiết kiệm được trong hoạt động sản xuất như các chi phí điện nước, điện thoại, chi phí cho văn phòng phẩm, tiếp khách... Năm 2013 chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 42,46% so với năm 2012 do hoạt động sản xuất gặp nhiều khó khăn nên kéo theo sự cắt giảm nhân sự, do đó chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm theo.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Năm 2012, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 172,309 triệu đồng tương ứng tỉ lệ tăng 43,78% so với năm 2011. Năm 2013 so với năm 2012, lợi nhuận thuần cũng tăng 64,97%. Cho thấy việc kinh doanh của công ty càng ngày tốt hơn và tốc độ tăng cũng tương đối nhanh. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho công ty. Nguyên nhân của khoản tăng là do chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm, do công ty nỗ lực mở rộng thị phần và quản lý vốn có hiệu quả. Tuy mức tăng cũng chưa lớn nhưng chứng tỏ công ty đang trên đà phát triển và sự cố gắng của công ty trong việc tối đa hóa lợi nhuận. Công ty muốn gia tăng lợi nhuận trong những năm tới cần mở rộng quan hệ làm ăn và đưa ra các biện pháp bán hàng tốt hơn nữa.

Chi phí thuế thu nhập trước thuế: Do mở rộng sản xuất kinh doanh, thu nhập tăng nên năm 2012 công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước cũng cao hơn năm 2011 là 74,947 triệu đồng với tỷ lệ tăng là 76,17%. Năm 2013 cũng nộp thuế vào nhà ngân sách nhà nước cao hơn năm 2012 là 60,042 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 34.64%.

Lợi nhuận kế toán sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2012 so với năm 2011 tăng 224,842 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 76,17%. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 so với năm 2012 cũng tăng 180,127 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 34,64%. Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 so với năm 2011 tăng 172,309 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 43,87%. Năm 2013 so với năm 2012 tăng 367,649 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 64,97%. Đây là một mức tăng tương đối cao với một công ty tư nhân có quy mô vừa và nhỏ chuyên về sản xuất vật liệu xây dựng và thi công các công trình xây dựng trong tình hình kinh tế đất nước

gặp nhiều khó khăn: Nhà nước đang thắt chặt chi tiêu, thị trường bất động sản đóng băng gây khó khăn cho các doanh nghiệp xây dựng.

Tóm lại, trong ba năm trở lại đây từ năm 2011 đến năm 2013 đối với công ty dù có rất nhiều khó khăn: Áp lực cạnh tranh về nhà cung cấp, cạnh tranh từ khách hàng, áp lực từ đối cạnh tranh từ đối thủ tiềm ẩn, áp lực cạnh tranh nội bộ ngành nhưng các chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi đều tăng. Sở dĩ như vậy bởi vì ngoài sự biến đổi của nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế thế giới thì lý do phần lớn là do sự quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả của công ty. Bên cạnh đó còn phải kể đến sự năng động của ban Giám đốc công ty đã tìm tòi những cái mới thúc đẩy sự phát triển của công ty trong điều kiện kinh tế thị trường.

2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

2.2.1. Thực trạng tài sản của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Trước hết ta tìm hiểu thực trạng tài sản của công ty trong những năm qua. Trong quá trình kinh doanh, Công ty đã có những thay đổi về quy mô và tỷ trọng của tài sản và được thể hiện bằng số liệu sau:

Bảng 2.2. Cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	3.083,972	86,25	8.272,654	79,21	12.440,791	77,31
Tài sản dài hạn	491,827	13,75	2.171,385	20,79	3.651,659	22,69
Tổng TS	3.575,799	100	10.444,039	100	16.092,450	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Ta thấy tổng tài sản có sự thay đổi qua ba năm. Năm 2011, tổng tài sản ở mức 3.575,799 triệu đồng. Sang năm 2012, tổng tài sản tăng đến 10.444,039 triệu đồng. Tuy nhiên, năm 2013, tổng tài sản đã tăng lên đến 16.092,450 nghìn đồng. Quy mô tài sản thay đổi làm cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi theo. Cả ba năm, tỷ trọng tài sản dài hạn thấp hơn tỷ trọng tài sản ngắn hạn do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên tài sản ngắn hạn lớn để phục vụ cho quá trình thi công các công trình. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tỷ trọng tài sản dài hạn qua ba năm đều tăng nhưng tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng nhanh hơn. Chứng tỏ, sự mở rộng quy mô tài sản trong ba năm nhưng chủ yếu tập trung vào mở rộng quy mô tài sản ngắn hạn nhiều hơn.

Để có thể đánh giá một cách đầy đủ và chính xác hiệu quả sử dụng tài sản, chúng ta cần đi sâu phân tích cơ cấu của tài sản ngắn hạn cũng như tài sản dài hạn. Qua việc phân tích này sẽ giúp ta hiểu rõ hơn tác động của từng yếu tố đến hiệu quả chung, đồng thời sẽ là cơ sở để đưa ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

2.2.1.1. Thực trạng tài sản ngắn hạn của Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Trong Công ty, tài sản ngắn hạn là một bộ phận quan trọng và có sự biến đổi nhanh chóng trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Quy mô và cơ cấu trong tài sản ngắn hạn phụ thuộc vào nhiều yếu tố và nó sẽ có tác động lớn đến kết quả kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng tài sản nói riêng của doanh nghiệp.

Đối với công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi, trong những năm qua, quy mô và cơ cấu của tài sản ngắn hạn đã có sự thay đổi, nó phụ thuộc vào chiến lược phát triển của công ty và sự tác động của môi trường kinh doanh, được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.3. Cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	90,021	2,92	1.472,157	17,8	1.054,224	8,47
1. Tiền mặt	34,654	1,12	657,489	7,9	509,174	4,09
2. Tiền gửi ngân hàng	55,367	1,8	814,668	9,9	545,050	4,38
II. Phải thu ngắn hạn	2.867,756	92,99	6.674,024	80,86	6.359,818	51,12
1. Phải thu khách hàng	2.867,756	92,99	6.674,024	80,86	6.359,818	51,52
III. Hàng tồn kho	126,195	4,09	126,473	1,53	5.026,749	40,41
1. Nguyên vật liệu	9,734	0,32	10,420	0,13	120,839	0,97
2. Công cụ dụng cụ	13,649	0,44	11,734	0,14	19,465	0,16
3. Hàng hóa	102,812	3,33	104,319	1,26	4.866,455	39,28
Tổng TSNH	3.083,927	100	8.272,654	100	12.440,791	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty trong ba năm, tiền và các khoản tương đương với tiền, hàng tồn kho luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất, phải thu ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Tuy nhiên, tỷ trọng của từng loại có sự thay đổi qua các năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền: Qua các năm, tiền và các khoản tương đương tiền có sự biến động. Năm 2011 tỷ trọng là 2,92%, năm 2012, tăng mạnh lên đến 17,8% do công ty mở rộng thêm mặt hàng sản xuất kinh doanh nên công ty phải chuẩn bị một khoản tiền sẵn sàng phục vụ cho việc sản xuất. Năm 2012 tỷ trọng gia tăng qua đột ngột vì năm 2012 vẫn đang trong thời kỳ khủng hoảng, lượng tiền mặt lớn để đáp ứng ngay cho các nhu cầu về nguyên vật liệu, chi phí phát sinh trong quá trình thi công. Lượng tiền có sẵn nhiều Công ty có thể tận dụng những cơ hội mua đặc biệt như sứt giá tạm thời hay dự đoán có tăng giá mạnh trong tương lai. Hơn nữa, sự gia tăng này giúp công ty giữ uy tín của mình với nhà sản xuất. Tuy nhiên, nếu dự trữ quá nhiều tiền khiến công ty không tận dụng được cơ hội đầu tư vào những tài sản sinh lời khác. Năm 2013 giảm xuống còn 8,47% do sự giảm của tiền gửi ngân hàng đã làm giảm tổng khối lượng tiền và các khoản tương đương với tiền. Việc dự trữ lượng tiền mặt thấp sẽ giúp công ty sinh lãi giảm chi phí cơ hội của việc giữ tiền. Tuy nhiên mặt trái của nó là Công ty phải đi vay ngắn hạn ngân hàng để trang trải khoản chi phát sinh, khi đó chi phí sẽ tăng cao hơn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng tài sản của công ty. Sự tăng giảm này không ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu tài sản ngắn hạn của công ty vì tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền vẫn ở mức thấp.

Ta thấy, Năm 2011, tiền gửi ngân hàng lớn hơn 20,713 triệu đồng so với tiền mặt. Năm 2012 tiền gửi ngân hàng lớn hơn tiền mặt là 157,179 triệu đồng. Năm 2013, tiền gửi ngân hàng lớn hơn tiền mặt là 35,876 triệu đồng. Tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn là một điều có lợi cho Công ty vì khi đó ta không chỉ được hưởng lãi mà việc dùng chúng để thanh toán cũng khá thuận tiện, nhanh gọn, chống thất thoát nhờ hệ thống thanh toán của ngân hàng. Lượng tiền mặt sử dụng của Công ty tăng dần qua các năm. Trong năm 2012 so với năm 2011 lượng tiền mặt tăng 6.17%, năm 2013 so với năm 2012 tăng 3.64%. Ta thấy được tỷ lệ tăng về tiền mặt của năm 2012 so với năm 2011 lớn hơn rất nhiều so với tỷ lệ tăng của năm 2013 so với năm 2012 điều này có thể là do năm 2012 Công ty đã có một lượng tiền lớn để mua nguyên vật liệu phục vụ quá trình sản xuất. Việc dự trữ lượng tiền mặt tại quỹ thấp sẽ giúp Công ty tăng được các tài sản lưu động sinh lãi giảm chi phí cơ hội của việc giữ tiền. Tuy nhiên mặt trái của nó là Công ty phải đi vay ngắn hạn ngân hàng để trang trải khoản chi phát sinh, khi đó chi phí sử dụng vốn sẽ tăng cao hơn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

Là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu là kinh doanh vì vậy hàng ngày công ty phải thu về lượng tiền mặt tương đối. Ngoài việc giữ tiền tại doanh nghiệp thì công ty còn gửi tiền ở ngân hàng như bao doanh nghiệp kinh doanh khác, để vừa không lãng phí giá trị đồng tiền mà còn an toàn, vì đó mà việc quản lý tiền mặt của công ty như sau: công ty theo dõi lượng tiền từng ngày, từng giờ. Công ty không có tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn cũng như không có khoản đầu tư vào mục chứng khoán nào bởi trên thực tế nhu cầu tiền mặt tại công ty diễn ra thường xuyên. Do vậy, công ty hầu như không có tiền nhàn rỗi mà phải thường xuyên vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán cho hàng nhập về.

Tuy nhiên trên thực tế tại công ty rất ít khi có tiền mặt tồn đọng trên tài khoản quá lâu vì công ty sẽ chuyển ngay ra để trả nợ ngắn hạn khi nó vượt quá một giới hạn nào đó so với nhu cầu dự tính trong ngắn hạn. Như đến giữa năm 2013, công ty lại tiếp tục mua thêm 5 ô tô vận chuyển hàng hóa để phục vụ nhu cầu kinh doanh của mình. Phải nói rằng công tác ngân quỹ được công ty đã và đang rất coi trọng, hàng ngày công ty có kế toán chuyên theo dõi tình hình số dư trên tất cả các tài khoản của doanh nghiệp ở tất cả các ngân hàng và kết hợp đối chiếu với nhu cầu thu chi dự tính để lập trừ ngân quỹ từ đó có thể đưa ra quyết định vay thêm hay trả nợ một cách kịp thời nhất vì mục tiêu an toàn, hợp lý hiệu quả và sinh lời. Như ta đã biết tỉ lệ sinh lời trực tiếp trên tiền mặt là rất thấp thậm chí có thể bằng không. Hơn nữa do sức mua của đồng tiền luôn có xu hướng giảm đi do chịu ảnh hưởng của lạm phát, do đó có thể nói tỉ lệ sinh lời thực của tiền mặt là một số âm. Bởi vậy việc duy trì mức tiền mặt hợp lý nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu tiền mặt của công ty là một vấn đề rất quan trọng liên quan đến hiệu quả kinh doanh chung của công ty. Việc nắm giữ tiền mặt là một động cơ phòng ngừa, tiền mặt được tồn trữ nhằm mục đích duy trì khả năng thanh toán chung của công ty ở mọi thời điểm.

Các khoản phải thu ngắn hạn: So với năm 2011, ở năm 2012 các khoản phải thu tăng 132,73% tương ứng với số tiền là 3.806,268 triệu đồng. Và cũng như khoản TSNH bằng tiền năm 2013 so với năm 2012 lại giảm 4.71% tương ứng với số tiền giảm là 314,206 triệu đồng. Điều này cho thấy Công ty bị chiếm dụng vốn lớn gây bất lợi cho Công ty trong việc quay vòng vốn. Đây là vấn đề Công ty cần giải quyết trong các năm tới đặc biệt là khoản phải thu của khách hàng vì hiện tại công ty chỉ có khoản phải thu là mục này. Dựa vào bảng cân đối kế toán trên ta thấy so với 2011, khoản phải thu tăng lên 3.806,268 triệu đồng vào năm 2012 tương ứng 132,73% và so với 2012 thì năm 2013 khoản phải thu khác hàng đã giảm đi 314,206 triệu đồng. Điều này chứng tỏ sản xuất kinh doanh của công ty không ổn định, để cho khách hàng chiếm

dụng vốn quá dài. Nguyên nhân là các khoản phải thu của khách hàng tăng lên ở năm 2012 là do công ty áp dụng phương thức thanh toán tín dụng lâu dài để thâm nhập vào thị trường tiêu thụ ngày càng rộng hơn. Điều này làm cho các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn TS. Còn năm 2013 khoản này giảm là do công ty đã thay đổi phương thức thanh toán, cụ thể: công ty sẽ được thanh toán 100% giá trị mỗi lô hàng ngay sau khi đối chiếu khối lượng hoặc công ty sẽ được thanh toán 70% giá trị khối lượng trong vòng 20 ngày kể từ ngày giao hàng, 30% còn lại sẽ được cộng dồn vào khối lượng của tháng kế tiếp (đối với khách hàng truyền thống và có uy tín). Tóm lại công ty cần có các biện pháp nâng cao hơn nữa để tăng hiệu quả của công tác thu hồi công nợ, tránh tình trạng nợ dây dưa khó đòi của khách hàng để từ đó tăng hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

Hàng tồn kho: Trong ba năm, hàng tồn kho tăng, năm 2011 ở mức 126,195 triệu đồng, năm 2012 tăng lên 126,473 triệu đồng, đến năm 2012 thì tăng vọt lên mức 5.026,749 triệu đồng. Sự tăng lên này là do sự tăng của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Nguyên vật liệu nhập về được sử dụng cho quá trình sản xuất, xảy ra tình trạng dư thừa. Việc dự trữ giúp cho doanh nghiệp trước những biến động thất thường của giá cả nguyên vật liệu, nhưng việc dự trữ cũng làm cho doanh nghiệp mất một khoản chi phí về lưu kho và bảo quản. Do vậy doanh nghiệp cần phải tìm được những nhà cung cấp cho Công ty về nguồn cung giá cả ổn định, hạn chế được lượng hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn giảm được chi phí. Công ty còn sản xuất vật liệu xây dựng nên giá trị lưu kho tương đối lớn, để quản lý kho Công ty phải bỏ ra không ít các khoản chi phí như chi phí cho bộ phận quản lý kho, chi phí hao mòn tự nhiên của các vật liệu xây dựng, hàng tháng Công ty còn phải trả tiền lương cho nhân viên bảo vệ trông kho. Hiện tại, Công ty chưa áp dụng mô hình quản lý kho, do đó trong thời gian tới Công ty nên áp dụng một số mô hình quản lý kho để có thể xác định được chính xác nhất lượng hàng lưu kho nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

2.2.1.2. Thực trạng tài sản dài hạn của Công ty

Đối với mỗi doanh nghiệp, ngoài việc đầu tư vào tài sản ngắn hạn, doanh nghiệp còn tập trung đầu tư tài sản dài hạn bởi tài sản dài hạn luôn chiếm vị trí hết sức quan trọng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nó thể hiện quy mô năng lực sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ trọng của tài sản dài hạn trong tổng số tài sản của doanh nghiệp phụ thuộc vào tỷ trọng của các khoản phải thu dài hạn, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và tài sản dài hạn khác. Dưới đây là cơ cấu tài sản dài hạn của công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Bảng 2.4. Cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty các năm 2011 – 2013

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Tài sản cố định	491,827	100	2.171,385	100	3.651,659	100
Nguyên giá	563,850	114,6	2.589,534	119,3	4.491,547	123
Giá trị hao mòn lũy kế	72,023	14,6	418,149	19,3	839,888	23
V. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản dài hạn	491,827	100	2.171,385	100	3.651,659	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Qua bảng trên ta thấy, tỷ trọng các loại tài sản dài hạn thay đổi qua các năm. Tài sản cố định chiếm 100% trong tổng số tài sản dài hạn và Công ty không có các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tài sản dài hạn khác

Tài sản cố định: Có sự tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng qua các năm. Năm 2011, giá trị tài sản cố định ở mức 491,827 triệu đồng, tương ứng 114,6% tổng giá trị tài sản dài hạn. Sang năm 2012, tỷ trọng tài sản cố định tăng từ lên đến 119,3%, và tiếp tục tăng lên đến 123% trong năm 2013. Năm 2012, nguyên giá tài sản cố định tăng 2.025,684 triệu đồng so với năm 2011, năm 2013 tiếp tục tăng thêm 1.902,013 triệu đồng so với năm 2012. Nguyên giá tài sản cố định tăng kéo theo giá trị hao mòn cũng tăng lên theo qua các năm. Điều này cho thấy, Công ty chú trọng đầu tư thêm tài sản cố định. Trong tương lai, quy mô sản xuất của công ty tiếp tục mở rộng đầu tư thêm vào trang thiết bị, tài sản cố định và các tài sản khác để hướng tới mục tiêu đảm bảo chất lượng, lợi nhuận lâu dài.

Công ty không có khoản đầu tư tài chính dài hạn. Do nền kinh tế khó khăn, vẫn còn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế, nên Công ty cũng cẩn thận hơn và hạn chế đầu tư tài chính. Công ty cũng nên cân nhắc việc đầu tư tài chính nhằm mục đích sinh lời từ những khoản tiền nhàn rỗi.

2.2.2. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Trong những năm qua, nhằm đạt được mục đích kinh doanh, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi luôn quan tâm đến vấn đề sử dụng tài sản và cố gắng tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Việc phân tích và đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi sẽ cho thấy tình hình sử dụng tài sản tại công ty, những thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế cần khắc phục và nguyên nhân của những hạn chế này. Trên cơ sở đó, những giải pháp thích hợp sẽ được đưa ra để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty.

2.2.3. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản của CTCPĐTXD và thương mại Anh Khôi

Bảng 2.5. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,759	18.864,196	21.693,825
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	295,200	520,042	700,169
Tổng tài sản bình quân	Triệu đồng	3.575,799	10.444,039	16.092,450
Hiệu suất sử dụng tổng tài sản	Lần	2,22	1,8	1,35
Hệ số sinh lời tổng tài sản (ROA)	%	8,3	4,9	4,35

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng tổng tài sản: Chỉ tiêu này cho biết một đồng tài sản sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Hiệu suất sử dụng tổng tài sản giảm dần qua các năm. Năm 2011 có hiệu suất sử dụng tổng tài sản là 2,22 lần giảm xuống 1,8 lần trong năm 2012 và xuống còn 1,35 lần trong năm 2013. Nguyên nhân của sự thay đổi này là công ty chú trọng đầu tư vào tài sản và tăng mạnh theo từng năm còn doanh thu thuần tăng nhẹ theo từng năm. Nhìn tổng thể qua các năm thì hiệu suất sử dụng tài sản là một chỉ số lớn hơn 1, tức là doanh thu thuần lớn hơn tổng tài sản, đây là dấu hiệu tốt, công ty đã sử dụng tài sản một cách hợp lý và hiệu quả. Cụ thể năm 2011 thì mỗi đồng tài sản đưa vào sản xuất kinh doanh chỉ tạo ra 2,22 đồng doanh thu, năm 2012 thì số doanh thu tạo ra từ một đồng tài sản là 1,8 đồng. Nhưng đến năm 2012 thì mỗi đồng tài sản đưa vào đầu tư chỉ tạo ra 1,35 đồng.

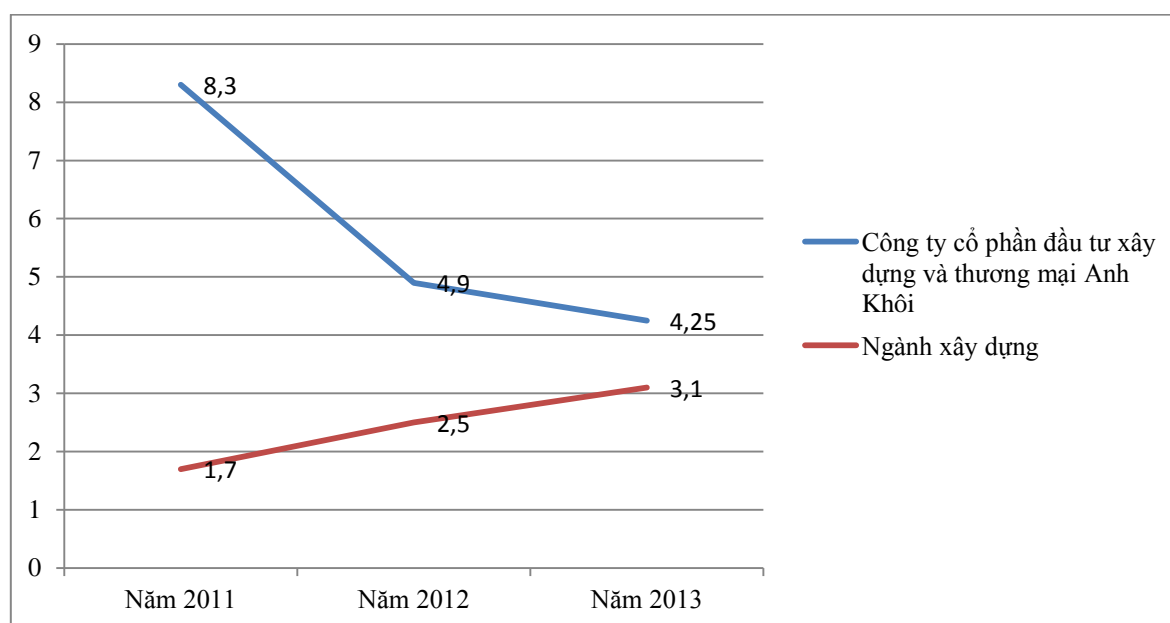
Chỉ tiêu hệ số sinh lời tổng tài sản: Chỉ tiêu cho biết, danh nghiệp đầu tư 100 đồng tài sản thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Hệ số này cũng có xu hướng giảm qua các năm. Năm 2011 có hệ số sinh lời tổng tài sản là 8,3% nhưng lại giảm mạnh vào năm 2012 còn 4,9 và đến năm 2013 còn 4,35%. Chỉ tiêu này trong ba năm đều lớn hơn 1. Tuy nhiên, Chứng tỏ vấn đề sử dụng tài sản của công ty có hiệu quả.

ROA năm 2011 cao hơn trung bình ngành: Năm 2011- 2013 ngành vật liệu xây dựng thực sự gặp khó khăn, bất động sản đóng băng, các dự án thi công bị đình trệ nên chỉ tiêu ROA trung bình ngành trong 3 năm là (1,7% - 2,5% - 3,1%) (Nguồn tổng

hợp từ <http://www.cophieu68.vn/>) thì Công ty lại cao hơn trung bình ngành, đây là tín hiệu đáng mừng.

Đồ thị 2.1. Chỉ tiêu ROA của công ty so với trung bình ngành

DVT: %



2.2.3.1. Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Tài sản ngắn hạn (TSNH) là một bộ phận quan trọng trong tổng tài sản, có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sử dụng tài sản.

- Khả năng thanh toán của Công ty

Bảng 2.6. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	3.083,972	8.272,654	12.440,791
Tiền và các khoản tương đương với tiền	Triệu đồng	90,021	1.472,157	1.054,224
Hàng tồn kho	Triệu đồng	126,195	126,473	5.026,749
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	3.070,559	5.898,174	10.425,028
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,004	1,4	1,2
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,96	1,38	0,7
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,03	0,25	0,1

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Khả năng thanh toán hiện hành: Chỉ tiêu này cho biết, trong năm 2011, mỗi đồng nợ ngắn hạn có 1,004 đồng tài sản ngắn hạn có thể sử dụng để thanh toán, năm 2012 mỗi đồng nợ ngắn hạn có 1,4 đồng tài sản ngắn hạn để thanh toán và năm 2013 tỷ số này là 1,2. Khả năng thanh toán của Công ty tăng từ 1,004 lần năm 2011 lên 1,4 lần năm 2012, nhưng năm 2013 giảm xuống còn 1,2 lần. Nguyên nhân tăng là do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn thấp hơn so với tài sản ngắn hạn, nhưng năm 2013 tốc độ tăng của nợ ngắn hạn cao hơn so với tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn dẫn đến hệ số này giảm đi vào năm 2013. Mặc dù hệ số thanh toán hiện hành có sự biến động qua các năm nhưng nhìn chung thì giá trị đều lớn hơn 1. Chứng tỏ giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty lớn hơn giá trị nợ ngắn hạn, điều đó cho thấy tài sản ngắn hạn của Công ty đủ đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Do đó, tình hình thanh khoản của Công ty tốt nhưng năm 2013 thì chưa tốt bằng năm 2012.

Khả năng thanh toán nhanh: năm 2011 khả năng thanh toán nhanh của công ty là 0,96 và tăng lên 1,38 lần năm 2012 nhưng lại giảm còn 0,7 lần năm 2013. Hệ số thanh toán tăng do tài sản ngắn hạn năm 2012 tăng rất nhanh gấp 2,6 lần năm 2011 còn nợ ngắn hạn tăng 1,9 lần so với năm trước và hàng tồn kho tăng không đáng kể. Năm 2013, hệ số thanh toán nhanh giảm do tài sản ngắn hạn tăng với tốc độ thấp hơn so với hàng tồn kho, và hàng tồn kho tăng rất nhanh. Nhìn chung tỷ số này trong năm 2011 và 2013 đều nhỏ hơn 1 cho thấy giá trị tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản nhanh của Công ty nhỏ hơn giá trị nợ ngắn hạn, chứng tỏ tài sản ngắn hạn có thể sử dụng ngay của Công ty không đủ để đảm bảo cho việc thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn. Do vậy, có thể thấy tình hình thanh khoản của Công ty không tốt trong năm 2011 và năm 2013. Năm 2012 thì ngược lại, có hệ số này lớn hơn 1 nên tính thanh khoản của công ty năm 2012 tốt

Khả năng thanh toán tức thời: Hệ số này cho biết: Trong năm 2011, một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 0,03 đồng tiền mặt, năm 2012 thì tăng lên đến 0,25 đồng tiền mặt, năm 2013 thì giảm xuống còn 0,1 đồng tiền mặt trên một đồng nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán tức thời tăng là do năm 2012, tiền và các khoản tương đương với tiền có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn. Năm 2013 hệ số này giảm so với năm 2012 do nợ ngắn hạn tăng còn tiền và các khoản tương đương với tiền lại giảm. Chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty năm 2012 tốt hơn so với năm 2011 và năm 2013. Qua 3 năm, hệ số này đều nhỏ hơn 1 rất nhiều, cho thấy tình hình tài chính công ty kém ổn định và khả năng đáp ứng việc thanh toán các khoản nợ bằng tiền và các khoản tương đương tiền của công ty không tốt.

- **Nhóm các chỉ tiêu hoạt động**

Bảng 2.7. Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,959	18.864,196	21.693,825
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	3.083,972	8.272,654	12.440,791
Vòng quay TSNH	Vòng	2,57	2,28	1,74
Thời gian luân chuyển	Ngày	140	158	207
Suất hao phí của TSNH	Lần	0,39	0,43	0,57

(Nguồn: số liệu được tính từ Báo cáo tài chính)

Vòng quay tài sản ngắn hạn: Cho biết trong một năm tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp luân chuyển được bao nhiêu vòng hay một đồng tài sản ngắn hạn tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu này. Số vòng quay càng cao thì càng tốt đối với doanh nghiệp. Năm 2011 vòng quay TSNH là 2,57 vòng, năm 2012 giảm xuống 2,28 và năm 2013 tiếp tục giảm xuống còn 1,74 vòng do tài sản ngắn hạn có tốc độ tăng lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Điều này cho thấy năm 2011 hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tốt hơn năm 2012 và năm 2013. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do tình hình ngành xây dựng vẫn đang gặp khó khăn, các dự án công trình bị đình trệ, thất chặt chỉ tiêu

Thời gian luân chuyển TSNH: Cho biết tốc độ chu chuyển của tài sản ngắn hạn là nhanh hay chậm. Năm 2011, vòng quay TSNH là 2,57 vòng tương ứng với thời gian luân chuyển là 140 ngày. Năm 2012 vòng quay TSNH là 2,28 vòng tương ứng với thời gian thực hiện 1 kỳ luân chuyển là 158 ngày, tăng 18 ngày/1 kỳ luân chuyển. Năm 2013, vòng quay là 1,74 vòng tương ứng với thời gian cho 1 kỳ luân chuyển là 207 ngày, tăng 49 ngày/1 kỳ luân chuyển so với năm 2012. Như vậy, trong ba năm, số vòng quay TSNH giảm trầm trọng tương ứng với thời gian luân chuyển TSNH tăng mạnh. Kết quả này phản ánh lượng tài sản ngắn hạn bị tồn đọng quá lớn trong các khâu sản xuất và lưu thông, Công ty cần nỗ lực hơn nữa nhằm nâng cao tốc độ luân chuyển TSNH, nâng cao hiệu quả hoạt động để đảm bảo được một chỗ dựa vững chắc và một sự phát triển lâu dài của Công ty.

Suất hao phí của tài sản ngắn hạn: Chỉ tiêu này cho biết, 1 đồng doanh thu thuần trong kỳ thì cần bao nhiêu đồng giá trị tài sản ngắn hạn. Qua các năm, suất hao phí của tài sản ngắn hạn tăng, năm 2011, suất hao phí của tài sản ngắn hạn là 0,39 lần, đến năm 2012 là 0,43 lần và tiếp tục tăng đến 0,57 lần năm 2013. Chỉ số này có giá trị thấp nhất là năm 2011, chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn cao hơn năm 2012 và 2013 và công ty không cần đầu tư quá nhiều vào tài sản ngắn hạn mà vẫn tạo được

doanh thu. Chỉ số này tăng vào các năm 2012 và năm 2013 chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản không được hiệu quả bằng năm 2011. Công ty cần có các biện pháp thích hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Một số chỉ tiêu đánh giá khả năng các khoản phải thu khách hàng

Bảng 2.8. Chỉ tiêu đánh giá khoản phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,759	18.864,192	21.693,825
Các khoản phải thu	Triệu đồng	2.867,756	6.674,024	6.359,818
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	295,200	520,042	100,169
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	2,78	2,8	3,4
Thời gian thu tiền trung bình	Ngày	129	128	106

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán của Công ty)

Vòng quay các khoản phải thu: Năm 2011, vòng quay các khoản phải thu là 2,78 vòng và tăng lên ít đến 2,8 vòng trong năm 2012. Do tốc độ tăng của doanh thu thuần lớn hơn tốc độ tăng của các khoản phải thu và tốc độ tăng của doanh thu thuần và các khoản phải thu có sự chênh lệch ít. Nhưng đến năm 2013, vòng quay các khoản phải thu tăng mạnh đến 3,4 vòng. Do doanh thu thuần vẫn tăng nhưng các khoản phải thu giảm. Điều này cho thấy, năm 2013 công ty quản lý tài chính tốt hơn so với hai năm trước nhưng công ty vẫn bị chiếm dụng vốn lớn, gây bất lợi cho công ty. Công ty cần có các chiến lược để hạn chế tối đa bị chiếm dụng vốn và xem xét số vốn bị chiếm dụng có hợp lý hay không để có biện pháp xử lý kịp thời.

Thời gian thu tiền trung bình: Thời gian thu tiền trung bình qua các năm có xu hướng giảm. Năm 2011 có thời gian thu tiền trung bình là 129 ngày, đến năm 2012 giảm đi 1 ngày còn 128 ngày và giảm mạnh năm 2013 là 106 ngày. Đây là một tín hiệu tốt đối với công ty, giảm được thời gian chiếm dụng vốn quá lâu của khách hàng

Một số chỉ tiêu đánh giá quản lý kho của công ty

Bảng 2.9. Khả năng quản lý kho của công ty năm 2012 – 2013

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	6.028,724	13.208,841	17.665,549
Hàng tồn kho	Triệu đồng	126,195	126,473	5.026,749
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,759	18.864,192	21.693,825
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	44,47	104,44	3,51
Thời gian luân chuyển kho trung bình	Ngày	8	3	103

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011-2013 của công ty)

Vòng quay hàng tồn kho: Cho biết một năm kho của công ty quay được bao nhiêu lần. Năm 2011, kho của công ty được luân chuyển 44,47 vòng, năm 2012 là 104,44 vòng tăng 59,97 vòng so với năm 2011. Do năm 2012 chi phí giá vốn tăng với tốc độ lớn hơn tốc độ tăng của hàng tồn kho nên vòng quay hàng tồn kho của công ty tăng so với năm 2011. Năm 2013 chỉ tiêu này là 3,51 vòng. Do năm 2013, tốc độ tăng của hàng tồn kho lớn hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán. Vòng quay hàng tồn kho càng lớn chứng tỏ rằng hoạt động kinh doanh của công ty càng có hiệu quả. Nhưng năm 2013, chỉ số này giảm trầm trọng, chứng tỏ rằng lượng nguyên vật liệu mà công ty bán được là ít và lượng công trình được chủ đầu tư chấp nhận cũng ít. Trị giá hàng tồn kho lớn giúp Công ty an toàn hơn trước những biến động thất thường của giá cả nguyên vật liệu. Nhưng hàng tồn kho có tính thanh khoản không cao, dễ xảy ra tình trạng tồn kho ứ đọng và tăng chi phí. Vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để xác định được lượng tồn kho hợp lý và sử dụng chúng có hiệu quả.

Thời gian luân chuyển kho trung bình: Cho biết trong bao nhiêu ngày thì hàng trong kho được luân chuyển một lần. Năm 2011, 8 ngày thì kho lại được luân chuyển một lần, năm 2012 là 3 ngày và năm 2013 là 103 ngày. Thời gian luân chuyển kho trung bình trong năm 2011 và năm 2012 tương đối tốt nhưng năm 2013 có thời gian rất dài, điều này chứng tỏ rằng số lượng nguyên vật liệu mà Công ty bán cho khách hàng là ít. Việc thời gian luân chuyển kho trung bình dài làm tăng các chi phí liên quan tới việc quản lý kho. Cho thấy hiệu quả sử dụng hàng tồn kho kém, làm giảm tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và thời gian luân chuyển kho bị kéo dài thêm. Để nâng cao hiệu quả sử dụng hàng tồn kho Công ty cũng cần quan tâm hơn đến việc bảo quản và luân chuyển hàng tồn kho.

Nhìn chung, công ty đã có nhiều cố gắng trong quản lý và sử dụng tài sản ngắn hạn, cơ cấu phân bổ các nguồn lực tương đối hợp lý. Tuy tỷ trọng này còn khá cao

nhưng do công ty muốn mở rộng quy mô kinh doanh thì phải có chính sách tín dụng khách hàng mở. Nhưng công ty cũng nên xem xét nếu quá mở rộng sẽ làm tăng khoản phải thu, xảy ra tình trạng ứ đọng vốn trong kinh doanh, làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản. Bên cạnh đó, nguồn vật tư hàng hóa tăng về tỷ trọng rất cao trong tổng tài sản, điều này làm chi phí lưu kho và bảo quản cao, làm giảm lợi nhuận doanh nghiệp. Ngoài ra nguồn tài sản bằng tiền tuy đã được sử dụng tiết kiệm nhưng chưa có cơ chế đầu tư ngắn hạn tối ưu. Vì vậy công ty cần xác định mức thanh toán và tài sản ngắn hạn khác sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế, đồng thời có chính sách quản lý tiền mặt phù hợp. Như vậy, sử dụng tài sản ngắn hạn mới có hiệu quả.

- **Hiệu suất sử dụng TSNH và hệ số sinh lợi TSNH**

Bảng 2.10. Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,759	18.864,192	21.693,825
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	295,200	520,042	100,169
TSNH bình quân trong kỳ	Triệu đồng	3.083,972	8.272,654	12.440,791
Hiệu suất sử dụng TSNH	Lần	2,58	2,28	1,74
Hệ số sinh lợi TSNH	%	9,5	6,3	0,8

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn: Chỉ tiêu này cho biết khi bỏ ra một đồng tài sản ngắn hạn vào tham gia kinh doanh thì nó tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Năm 2011 cứ một đồng tài sản ngắn hạn thì tạo ra được 2,58 đồng doanh thu, thì đến năm 2012 thì số doanh thu được tạo ra là 2,28 đồng, năm 2013 thì giảm xuống còn 1,74 đồng doanh thu trên 1 đồng tài sản ngắn hạn. Qua bảng số liệu ta thấy, hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn có xu hướng giảm. Do tốc độ tăng về doanh thu chậm hơn tốc độ gia tăng của tài sản ngắn hạn, làm cho chỉ tiêu này giảm đi. Vì vậy, công ty cần có các chính sách quản lý tài sản cố định hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và tối đa hóa lợi nhuận

Tỷ suất sinh lợi tài sản ngắn hạn: Chỉ tiêu cho biết cứ mỗi đơn vị giá trị tài sản ngắn hạn có trong kỳ đem lại bao nhiêu đơn vị lợi nhuận sau thuế. Chỉ số này càng cao thì triển vọng về sự tăng trưởng nhiều mặt của công ty càng được khẳng định, đồng thời hiệu quả quản lý càng cao và ngược lại. Chỉ số này có xu hướng giảm, đặc biệt năm 2013 giảm mạnh. Cho thấy, trong hoạt động kinh doanh công ty đang gặp khó khăn. Tốc độ tăng của tài sản mạnh trong khi doanh thu giảm Trong những năm tới để tăng hiệu quả sử dụng tài sản, Công ty cần có những biện pháp giảm chi phí, lập kế hoạch sử dụng tài sản một cách hiệu quả.

2.2.3.2. Hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

- Hiệu suất sử dụng TSDH và hệ số sinh lợi TSDH của Công ty

Bảng 2.11. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.943,759	18.864,196	21.693,825
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	295,200	520,042	700,169
TSDH bình quân trong kỳ	triệu đồng	491,827	2.171,385	3.651,659
Hiệu suất sử dụng TSDH	Lần	16,15	8,7	5,9
Hệ số sinh lợi TSDH	%	0,6	0,24	0,19

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2011 - 2013 của Công ty)

Hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn: Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng tài sản dài hạn được sử dụng thì tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần trong kỳ. Trong ba năm qua, chỉ tiêu này biến động theo tỉ lệ giữa doanh thu và tài sản dài hạn bình quân. Hệ số này giảm từ 16,15 năm 2011 xuống còn 8,7 và năm 2013 còn 5,9. Tỷ số này lớn hơn 1 chứng tỏ hai năm này Công ty đã sử dụng tài sản dài hạn có hiệu quả.

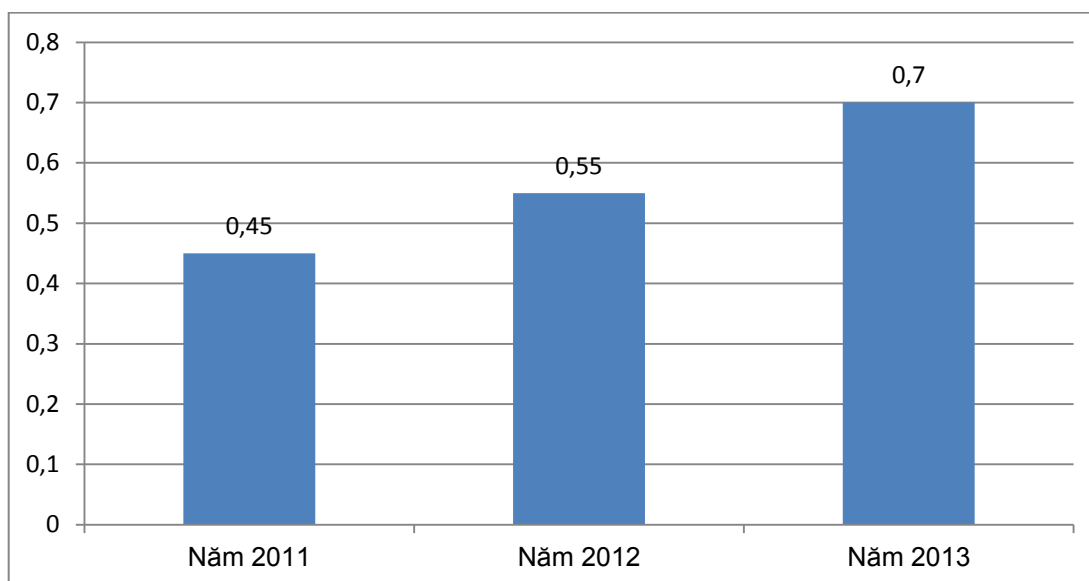
Hệ số sinh lợi tài sản dài hạn: Chỉ tiêu này cho biết cứ 100 đồng tài sản dài hạn sử dụng bình quân trong kỳ thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Cứ 100 đồng tài sản dài hạn tạo ra 0,6 đồng lợi nhuận sau thuế năm 2011, 0,24 đồng lợi nhuận năm 2012 và 0,19 đồng lợi nhuận sau thuế năm 2013. Nguyên nhân là đầu tư cho tài sản dài hạn lớn hơn lợi nhuận thu về và tốc độ tăng của lợi nhuận nhỏ hơn tốc độ đầu tư tài sản dài hạn.

- **Suất hao phí của TSCĐ của Công ty**

Suất hao phí TSCĐ các năm của Công ty được thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 2.1. Suất hao phí của tài sản cố định

DVT: %



Năm 2011 suất hao phí của TSCĐ là 0,45 % tức là để có 0,45 đồng doanh thu thuần, doanh nghiệp cần phải có 100 đồng nguyên giá bình quân TSCĐ. Năm 2012 suất hao phí TSCĐ là 0,55 %, năm 2013 là 0,74%. Như vậy suất hao phí của TSCĐ trong ba năm có xu hướng tăng. Cho thấy trong năm 2011 - 2013 Công ty đã nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

2.3. Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

2.3.1. Kết quả đạt được

Những thành tựu nổi bật trong sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện qua 3 năm 2011, 2012 và 2013 là:

Quy mô hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng thể hiện ở sự gia tăng về cả giá trị lẫn tỷ trọng tổng tài sản và nguồn vốn, doanh thu và lợi nhuận. Điều này cho thấy sự phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực hoạt động, sự định hướng đúng đắn trong quá trình kinh doanh của công ty.

Đầu tư tài sản cố định: Trong những năm qua, Công ty đã chú trọng đầu tư vào tài sản cố định, mua sắm thêm một số máy móc thiết bị để tăng cường năng lực sản xuất, và mở rộng thêm quy mô sản xuất, tăng cường đầu tư vào công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời tiến hành trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài Chính nhằm chuyển dịch từng phần giá trị của tài sản cố định vào chi phí.

Đầu tư thêm tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn luôn được đảm bảo trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Không để xảy ra tình trạng dừng sản xuất vì thiếu các yếu tố đầu vào, ngay cả khi thị trường có biến động lớn về giá cả. Trong những tháng cao điểm về tiêu thụ sản phẩm Công ty có các chủ trương dự trữ hàng, tăng ca sản xuất để đảm bảo được yếu tố cung cho khách hàng. Qua đó đảm bảo các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã đề ra.

Đầu tư phần mềm kế toán: Để tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, Công ty đã đầu tư mới vào phần mềm kế toán, đã góp phần giảm nhẹ khối lượng công việc và nâng cao hiệu quả của công tác kế toán tại Công ty.

Mối quan hệ tốt với khách hàng: Trong quá trình phát triển, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt với khách hàng. Việc tìm kiếm và thiết lập các mối quan hệ khách hàng đã được Công ty hết sức quan tâm.

Tình hình tài chính và khả năng thanh toán của công ty liên tục được cải thiện qua các năm. Điều này giúp cho công ty có được mối quan hệ hợp tác lâu dài với ngân hàng, các đối tác làm ăn... tạo uy tín và vị trí vững chắc trong nền kinh tế. Đây là sự cố gắng của công ty mặc dù hiệu quả đạt được chưa phải là cao, hy vọng rằng trong các năm tiếp theo công ty sẽ thành công hơn nữa trong khâu quản lý và sử dụng khoản vốn này

Trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên được nâng cao tạo điều kiện cho làm việc có hiệu quả, đạt được năng suất lao động tốt nhất. Với chính sách đãi ngộ mới, Công ty đã thu hút được nhiều nhân viên mới có chất lượng chuyên môn tốt và được đào tạo tại các trường Đại học nổi tiếng trong và ngoài nước về làm việc cho Công ty

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi là một công ty trẻ hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, thi công xây dựng các công trình dân dụng, sản xuất vật liệu xây dựng,... Trong những năm đầu mới thành lập, công ty đã gặp nhiều khó khăn về tài chính cũng như kinh nghiệm quản lý. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty đã ngày càng phát triển, nâng cao vị thế trên thị trường. Công ty đã khai thác triệt để nguồn vốn hiện có và vốn đi vay, do đó doanh thu hàng năm và lợi nhuận các năm vừa qua tăng, đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước cũng như đời sống cán bộ công nhân viên được cải thiện đáng kể. Ngoài ra, trong những năm trở lại đây công ty liên tục làm ăn có lãi, hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch và các lĩnh vực tay trái của công ty như khai thác đá, cung cấp phụ gia cho nhà máy xi măng được điều kiện môi trường kinh doanh ủng hộ nên thường xuyên mang về và làm tăng thêm lợi nhuận cho công ty. Tuy hiệu quả sử dụng tài sản vào sản xuất kinh doanh của công ty chưa theo kịp tốc độ huy động và sử dụng tài sản dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, song sự mở rộng quy mô vẫn

đem lại sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận cho công ty: thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước tăng 60042,25 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 34,64%; đời sống của cán bộ công nhân viên được cải thiện rõ rệt; uy tín của công ty không ngừng được mở rộng trên thị trường.

Có được những thành quả trên là nhờ vào sự năng động sáng tạo của ban lãnh đạo công ty cùng sự cố gắng nỗ lực của toàn thể nhân viên trong công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và sử dụng tài sản và cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty. Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác quản lý và sử dụng tài sản tại công ty vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Lượng tiền dùng để cho thanh toán của Công ty còn thấp. Các khoản tương đương tiền lớn nên không có hiệu quả kinh tế. Lượng hàng tồn kho còn lớn và ngày càng tăng qua các năm. Số vòng chu chuyển hàng tồn kho liên tục giảm và số ngày chu chuyển tăng lên làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

Thực trạng công tác quản lý và phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ở công ty còn nhiều bất cập, do thực hiện giao khoán nên các nguồn lực được giao trực tiếp cho các phòng kỹ thuật tự chịu trách nhiệm cung ứng nguyên vật liệu, thuê nhân công bốc dỡ hàng hóa, vật tư. Do vậy, không ai dám chắc rằng sẽ không có những gian lận, khai khống, sử dụng vốn lãng phí... trong khi nhà quản lý lại chưa tiến hành kiểm tra giám sát một cách thường xuyên liên tục được.

Nguồn đầu vào không ổn định làm cho việc huy động tài sản diễn ra không tốt. Lúc cần nhập nguyên vật liệu thì công ty cần phải huy động một lượng tiền lớn, giả sử trong thời gian đó công ty không đủ lượng tiền cần thiết thì công ty phải tiến hành vay thêm từ bên ngoài với chi phí cao hơn, làm ảnh hưởng tới chi phí sản xuất kinh doanh, giảm hiệu quả sử dụng tài sản lưu động

Tóm lại, công tác tổ chức sử dụng tài sản tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi đã đạt được những thành quả nhất định, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn hiện nay càng có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho công ty hoàn thành thắng lợi kế hoạch kinh doanh trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, để đạt được điều đó cần từng bước tháo gỡ tất cả những khó khăn vướng mắc trên, đặc biệt trong khâu huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản; tạo được niềm tin và động lực cho cán bộ công nhân viên cũng như uy tín với khách hàng, nhà cung cấp, các tổ chức tín dụng của công ty.

2.3.2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan

Trình độ nhận thức của cán bộ công nhân viên còn kém

Trình độ năng lực của cán bộ, công nhân viên Công ty tuy đã được đào tạo, rèn luyện qua thử thách nhưng trước những cơ hội và thách thức mới vẫn bộc lộ những hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và nhất là khả năng làm việc độc lập. Hạn chế lớn nhất của nhân viên công ty là khả năng tiếp cận khách hàng, tiếp cận thị trường để có được những khách hàng thường xuyên, thị trường ổn định và mang tính chất bền vững cho các sản phẩm dịch vụ của công ty. Trong thời gian tới, để có thể tiếp tục đứng vững và mở rộng quy mô kinh doanh thì công ty cần phải có kế hoạch đào tạo, bổ sung kiến thức cho nhân viên, cũng như cần có thêm những nhân tố mới tạo ra chuyển biến tích cực cho công ty.

Các khoản phải thu ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn

Trong ba năm qua tỷ lệ các khoản phải thu khách hàng có giá trị vẫn tăng hàng năm. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn giảm về tỷ trọng trong tổng tài sản ngắn hạn nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 50%). Nguyên nhân là do công tác sàng lọc và quản lý khách hàng chưa thực sự hiệu quả, việc quản lý công nợ chưa được chặt chẽ. Khách hàng thường xuyên chậm thanh toán, khâu thủ tục, giấy tờ trong thanh toán cũng chậm. Do đó, quản lý công nợ của Công ty còn chứa đựng nhiều rủi ro. Các khoản phải thu của công ty còn nhiều đôi khi phải huy động nhiều nhân viên để đi đòi nợ làm mất thời gian công sức. Lượng vốn ứ đọng và luân chuyển bị ảnh hưởng làm cho chỉ tiêu về sử dụng tài sản ngắn hạn chưa cao.

Quản lý hàng tồn kho vẫn còn lỏng lẻo

Việc tăng mức dự trữ nguyên vật liệu quá nhiều trong thời gian qua chưa hợp lý và có xu hướng biến động theo từng năm. Năm 2011, tỉ lệ dự trữ nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng 4,09% đã giảm xuống còn 1,53% vào năm 2012 nhưng lại tăng đột ngột vào năm 2013 là 40,41%. Nguyên nhân là do tình hình lập đơn đặt hàng đôi khi không sát với thực tế, đôi khi dư thừa nhiều so với nhu cầu sử dụng. Ngoài ra, công ty chưa có định mức dự trữ và tiêu hao khiến do thị trường biến động thất thường làm công tác quản lý cũng gặp nhiều khó khăn.

Công tác mua sắm và quản lý tài sản cố định còn nhiều hạn chế

Công ty đầu tư vào tu bổ nhà xưởng, cải tạo và xây dựng thêm một số nhà kho. Nhưng việc đầu tư này chưa cần thiết vì nhà kho chỉ là nơi lưu giữ bảo quản sản phẩm, không tạo ra được doanh thu cho Công ty.

Số tiền chi cho công tác đổi mới lớn nhưng tài sản được đầu tư mua về chưa hẳn là hiện đại nhất và gặp nhiều khó khăn khi vận hành, mất chi phí nghiên cứu và đào tạo công nhân để có thể sử dụng được. So với công suất thiết kế khi mua về Công ty

không thể sử dụng hết được công suất máy móc nên gây ra sự lãng phí. Một số máy móc nhập ngoại nên khi bị hỏng không có đồ thay thế trong nước vì vậy phải đặt mua ở nước ngoài làm mất thời gian và tốn kém chi phí sửa chữa.

Công ty đầu tư vào tài sản cố định và chỉ quan tâm đầu tư mua sắm mới trang thiết bị mà không quan tâm đến việc phải sử dụng như thế nào để tài sản đem lại mức hiệu quả tối đa cho Công ty. Máy móc thiết bị dùng trong sản xuất của Công ty chưa hoạt động hết công suất, nhiều tài sản rất quan trọng cho quá trình sản xuất tuy đã hết khấu hao nhưng vẫn còn được mang ra sử dụng liên tục. Rõ ràng, việc quản lý và sử dụng tài sản cố định như trên rất bất cập dẫn đến không đạt hiệu quả sử dụng tài sản.

Công ty chưa tích cực sử dụng những tài sản không cần dùng đến, đã hư hỏng một phần hoặc chờ thanh lý. Công ty chưa chủ động sửa chữa, nâng cấp tài sản để phục vụ cho quá trình sản xuất mà để nằm im trong kho, chỉ quan tâm mua sắm tài sản cố định mới. Điều này dẫn đến lãng phí các nguồn lực và không sinh lời.

Yếu tố cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng

Xu thế hội nhập và toàn cầu hoá nền kinh tế đã và đang tạo ra những cơ hội mới, những thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong đó có Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi. Hiện nay sự cạnh tranh trong ngành này cũng đang diễn ra mạnh mẽ. Đối thủ cạnh tranh cũng có sản phẩm, dịch vụ, giá cả,... tương đương công ty. Quá trình cạnh tranh gay gắt thể hiện qua việc quảng cáo, marketing, đấu thầu... Công ty chưa có nhiều biện pháp thực sự để có thể khuyến khích thực hiện các công việc của mình.

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, các công trình của Công ty dần trải trên khắp đất nước. Do vậy khi thi công Công ty cũng gặp phải một số những khó khăn nhất định như vận chuyển máy móc thiết bị và nguyên vật liệu, thuê nhân công làm chi phí sản xuất có sự gia tăng.

- Nguyên nhân khách quan

Thủ tục pháp lý của Nhà nước còn nhiều bất cập

Nhà nước đã ban hành những quy định về quản lý tài chính doanh nghiệp nói chung và quản lý tài sản nói riêng nhưng vẫn còn xảy ra nhiều bất cập, không hợp lý khi áp dụng thực tế. Thủ tục, quy định, mua sắm, nhượng bán, và thanh lý tài sản,... còn rườm rà, phức tạp, khiến cho hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp gặp khó khăn, kém hiệu quả.

Nền kinh tế đầy biến động và không ổn định

Công ty mới hoạt động được gần 6 năm nên vẫn còn non trẻ, chưa đựng nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức. Nền kinh tế có rất nhiều biến động, giá cả nhiều mặt hàng không ổn định, gây khó khăn cho tất cả các doanh nghiệp về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, giá nhân công,... khiến cho hiệu quả sử dụng tài sản ngày càng thấp.

Nhưng Nhà nước còn chưa có hướng giải quyết cụ thể chỉ có những biện pháp mang tính thời điểm, tạm thời.

Do cuộc khủng hoảng bắt đầu từ năm 2007 đã ảnh hưởng tới tình hình kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Cuộc khủng hoảng đã tác động không nhỏ tới khả năng phát triển sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng và toàn ngành xây dựng nói chung. Các công trình nhà dân dụng, các dự án địa phương vẫn tiếp tục trầm lắng bởi tác động từ chính sách cắt giảm đầu tư công, thị trường bất động sản suy thoái, ngân hàng thắt chặt tín dụng và cho vay với lãi suất cao. Những đối tượng khách hàng lớn nhất của thị trường xây dựng gặp khó khăn, hiển nhiên thị trường sẽ bị giảm sút, thu hẹp lại.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý sử dụng tài sản, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn, cản trở sự phát triển của Công ty. Một số nguyên nhân khó có thể khắc phục được, nhưng bên cạnh đó có những yếu tố nằm trong tầm kiểm soát của Công ty, đòi hỏi Công ty cần có những biện pháp giải quyết kịp thời.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ANH KHÔI

3.1. Định hướng hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

3.1.1. Định hướng phát triển của ngành Xây dựng

Mặc dù trong năm 2013 các chỉ số về tình hình kinh tế vĩ mô có tín hiệu ổn định, lạm phát được kiềm chế, lãi suất cho vay đã giảm đáng kể. Nhưng các doanh nghiệp ngành xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm lực tài chính hạn chế, phải vay vốn từ ngân hàng hoặc dựa vào nguồn vốn huy động từ khách hàng để triển khai dự án, khi thị trường trầm lắng sẽ bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ ngân hàng. Trong năm 2013, số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động tăng 11,9% so với năm trước. Có thể thấy, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Để tháo gỡ dần những vướng mắc, đẩy lùi những khó khăn, ngành Xây dựng đã vạch ra chiến lược phát triển cho những năm tiếp theo như sau:

Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các Nghị quyết 01/NQ-CP, 02/NQ-CP của Chính phủ, hoàn thiện các cơ chế chính sách trong các lĩnh vực của Ngành: tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong đầu tư xây dựng nhất là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình xây dựng; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch; tập trung giải quyết tình trạng đóng băng của thị trường bất động sản, xử lý đất dự án bị bỏ hoang, điều chỉnh cơ cấu thị trường, cân đối cung cầu; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp. Nghiên cứu và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; tái cấu trúc các doanh nghiệp ngành Xây dựng; tổ chức triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến Ngành Xây dựng trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội những năm tiếp theo của cả nước và Chương trình, Đề án trong các lĩnh vực của Ngành.

Các Nghị định và Thông tư, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực phát triển đô thị, quyền hạn các địa phương, cũng như quy định đối với các doanh nghiệp bất động sản còn lỏng lẻo. Trong năm 2014, các Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản đã chính thức đưa vào kế hoạch điều chỉnh, sửa đổi, thậm chí có thể sẽ ban hành mới; Về việc giải quyết thị trường bất động sản và vật liệu xây dựng, trong năm 2014 Bộ sẽ thực hiện quyết liệt, có những đề xuất và có các biện pháp xử lý mạnh mẽ hơn

Ngành Xây dựng là ngành sản xuất trọng yếu, tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế của đất nước. Tiếp tục tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Bộ và các doanh nghiệp thuộc ngành Xây dựng giai đoạn 2014 - 2025; đồng thời, tiếp tục theo dõi, đôn đốc, xử lý những vướng mắc hậu cổ phần hóa và nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp thuộc Bộ sau cổ phần hóa...

3.1.2. Định hướng hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

Mục tiêu:

Trong quá trình kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải xác định cho mình những mục tiêu phấn đấu, nó có thể coi như kim chỉ nam để hướng dẫn mọi hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều quan trọng là không phải bất cứ mục tiêu nào đưa ra doanh nghiệp đều thực hiện được. Trong một giai đoạn nhất định, thông thường các doanh nghiệp chỉ lựa chọn và thực hiện một số mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện khách quan và khả năng của doanh nghiệp, với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Những năm gần đây, ngành kinh doanh thương mại luôn được Nhà nước quan tâm vì nó đem lại hiệu quả lớn cho nền kinh tế đất nước, góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao đời sống cho người dân. Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại vì thế có điều kiện để phát triển hoạt động kinh doanh của mình đặc biệt là khi bước sang nền kinh tế thị trường và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Nhưng các doanh nghiệp cũng cần phải chủ động, sáng tạo hơn trong vấn đề sử dụng và huy động tài sản trong những điều kiện thử thách của thị trường.

Để theo kịp với sự phát triển chung của nền kinh tế cũng như xu hướng phát triển của ngành xây dựng, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi đã xây dựng cho mình chiến lược kinh doanh trong thời gian tới với mục tiêu là nâng cao doanh thu, mở rộng thị trường, giảm bớt các khoản phải thu, phải trả nhằm nâng cao lợi nhuận của công ty. Để đạt được điều này, đối với hoạt động kinh doanh trong thời gian tới, công ty đưa ra những mục tiêu cụ thể gồm:

- Doanh thu thuần năm 2014 đạt 100 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 30 tỷ đồng.

Trong xu thế đổi mới của đất nước, nền kinh tế thị trường đã và đang mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Để có thể đứng vững và không ngừng lớn mạnh trên thị trường, đòi hỏi công ty phải chú trọng đến tất cả các khâu trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ khâu bỏ vốn ra cho đến tiết kiệm được chi phí và thu lợi nhuận cao để bù đắp sự trượt giá trên thị trường không ổn định hay

thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, cải thiện đời sống cho người lao động và mở mạng lưới tiêu thụ để công ty không ngừng phát triển.

Định hướng trong thời gian tới:

Về quy mô, phạm vi hoạt động: Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, phát huy tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty để đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ mới.

– Mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động, tăng cường các phương án đầu tư phát triển kinh doanh.

– Tăng cường công tác tiếp thị và thu thập thông tin để tìm các cơ hội đầu tư liên doanh liên kết. Đồng thời, thực hiện hợp tác đầu tư với các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của các dự án.

Xây dựng lực lượng lao động: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên về đầu thầu và quản lý dự án, nghiệp vụ quản lý tài chính,..... Ngoài ra Công ty đưa ra các chiến lược thu hút và khuyến khích nhân viên bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý như: Nâng cao thu nhập, cổ phiếu thưởng,... tạo nhiều cơ hội cho những người trẻ có năng lực. Mục tiêu định hướng trong tương lai về lực lượng lao động của Công ty cần được bổ sung, hàng năm tăng thêm từ 15% trở lên. Dự kiến đến năm 2015, lao động trong danh sách Công ty quản lý tăng đến 300 người, trong đó:

– Cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ có trình độ từ Đại học trở lên chiếm 30%.

– Cán bộ có trình độ trung cấp, cao đẳng, công nhân kỹ thuật chiếm 50%

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

– Phần đầu tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 8% trở lên về giá trị sản phẩm.

– Lợi nhuận kinh doanh hàng năm tăng từ 5% trở lên.

– Thu nhập bình quân đầu người mỗi năm tăng từ 10% trở lên.

Định hướng hoạt động đầu tư của Công ty:

Công ty có những định hướng đầu tư trong thời gian tới, cụ thể như sau:

– **Mặt hàng kinh doanh:** Tiếp tục thực hiện kinh doanh mặt hàng truyền thống như buôn bán vật liệu xây dựng, vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đồng thời vừa khai thác và sản xuất đá xây dựng, các loại phụ gia cho các nhà máy xi măng.

– **Về thị trường:** Công ty tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm và tham gia đấu thầu các công trình, hạng mục của mọi thành phần kinh tế đầu tư, tập trung khai thác thị trường hiện tại như: Hà Nội, một số các tỉnh Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam... và bên cạnh đó mở rộng thị trường vào một số tỉnh như Thanh Hóa, Nghệ An...

– *Đầu tư ngắn hạn*: Đây là khoản đầu tư nhằm hình thành các tài sản lưu động cần thiết để đảm bảo cho các hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty được tiến hành bình thường. Trong thời gian tới Công ty đầu tư chứng khoán ngắn hạn với mục đích nắm quyền kiểm soát nhằm đa dạng hóa tài sản, vừa phát triển kinh doanh mới thông qua thôn tính và sáp nhập. Với hoạt động đầu tư này Công ty có thể tạo sự đa dạng hóa về lĩnh vực kinh doanh, tạo cơ sở cân bằng về rủi ro trong thanh khoản cho các tài sản, trên cơ sở đó tạo sự mềm dẻo trong việc quản lý tài sản của Công ty.

– *Đầu tư dài hạn*: Đây là hoạt động đầu tư nhằm mua sắm, cải tạo, mở rộng tài sản cố định của Công ty. Đầu tư dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Trong thời gian tới Công ty đặc biệt chú trọng đầu tư: Xây dựng thêm nhà xưởng mới, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị sản xuất và thanh lý các trang thiết bị, máy móc hết thời gian sử dụng, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tăng năng suất lao động tăng lợi nhuận cho công ty.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

3.2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tổng tài sản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

- *Coi trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên*

Lao động là một nhân tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản nói riêng và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Một đội ngũ cán bộ không có hoặc hạn chế về trình độ, yếu kém về đạo đức thì sẽ khó lòng đưa doanh nghiệp phát triển theo đúng mục tiêu, định hướng đã đề ra, thậm chí đẩy doanh nghiệp xuống vực sâu. Do đó, các doanh nghiệp cũng cần có biện pháp nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ lao động và triệt để khai thác nguồn lực này. Điều đó, cần được thực hiện từ khâu tuyển dụng, đào tạo đến khâu bổ nhiệm cán bộ, làm sao để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực trình độ, có bản lĩnh đạo đức nghề nghiệp.

Để nâng cao chất lượng lao động thì:

- Lao động phải qua sử dụng và có tiêu chuẩn chặt chẽ.
- Học nghề nào làm nghề đó.
- Hàng năm Doanh nghiệp phải tạo điều kiện cho người lao động được bổ túc, đào

tạo thêm chuyên môn, tay nghề đáp ứng yêu cầu công việc. Được đào tạo, bồi dưỡng trình độ người lao động sẽ nắm vững được lý thuyết cũng như thực tế ứng dụng trong sử dụng tài sản cố định máy móc thiết bị. Đồng thời họ cũng có ý thức nghiêm túc

trong lao động, chấp hành tốt các quy định nội quy của Doanh nghiệp và thực hiện nghiêm chỉnh các quy phạm trong sản xuất.

- Trong quá trình kinh doanh của mình, Công ty cần phát hiện và mạnh dạn đề bạt những người có năng lực vào những vị trí phù hợp nhằm phát huy được tài năng kiến thức trên cơ sở đúng người, đúng việc để họ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Công ty cần tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên (kể cả đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên chuyên môn kỹ thuật) qua đó nâng cao trình độ quản lý, sử dụng vốn cố định, tài sản, máy móc thiết bị. Với đội ngũ cán bộ quản lý: Công ty có thể tổ chức những khóa học ngắn hạn, hoặc cử người đi học bằng mọi hình thức để họ có thể tiếp cận với trình độ quản lý tiên tiến, đáp ứng được sự biến đổi ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.
- Bên cạnh việc tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhất là trình độ quản lý sử dụng vốn cố định, tài sản máy móc thiết bị, Công ty nên có chính sách tăng lương cho cán bộ, nhân viên chịu khó học hỏi nâng cao trình độ cũng như khen thưởng xứng đáng những người có ý thức cao trong công việc, đồng thời xử phạt nghiêm minh người nào thiếu ý thức trách nhiệm khi làm việc.

- Công ty cần ban hành các quy chế cụ thể về tài chính

Quy chế này cần được xây dựng trên quy chế tài chính của Bộ xây dựng, có tính đến những đặc thù riêng của công ty. Đối với các đơn vị thành viên, các đội xây dựng cần có sự phân quyền cụ thể rõ ràng. Đối với nhà xưởng, văn phòng... Công ty chỉ rõ quyền, trách nhiệm rõ ràng trong việc sử dụng tài sản cố định. Việc phân quyền quyết định sử dụng tài sản cố định sẽ tạo điều kiện cho mỗi bộ phận hoạt động linh hoạt hơn. Và nâng cao trách nhiệm trong việc bảo vệ tài sản hơn.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

3.2.2.1. Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu

Quản lý khoản phải thu của khách hàng là một vấn đề rất quan trọng và phức tạp trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp của tất cả các doanh nghiệp. Đặc biệt với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi khi các khoản phải thu chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản ngắn hạn. Việc tăng khoản phải thu từ khách hàng kéo theo việc gia tăng các khoản chi phí quản lý nợ, chi phí thu hồi nợ, chi phí trả lãi tiền vay để đáp ứng nhu cầu vốn thiếu do vốn của doanh nghiệp bị khách hàng chiếm dụng. Hơn nữa, tăng khoản phải thu làm tăng rủi ro đối với doanh nghiệp dẫn

đến tình trạng nợ quá hạn khó đòi hoặc không thu hồi được do khách hàng vỡ nợ, gây mất vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu có một chính sách tín dụng hợp lý doanh nghiệp sẽ thu hút được khách hàng, làm tăng doanh thu và lợi nhuận. Vì vậy, để quản lý khoản phải thu từ khách hàng, Công ty cần thực hiện một số biện pháp sau:

- ***Xác định chính sách tín dụng thương mại với khách hàng***

Mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu và tăng lợi nhuận của Công ty. Công ty cần xem xét tình hình bán chịu của các đối thủ cạnh tranh để có đối sách bán chịu thích hợp và có lợi. Ngoài ra, Công ty không thể mở rộng việc bán chịu cho khách hàng khi đã có nợ phải thu ở mức cao và thiếu hụt vốn lớn vốn bằng tiền trong cân đối thu chi bằng tiền.

- ***Phân tích khách hàng, xác định đối tượng bán chịu***

Đây là khâu rất quan trọng để Công ty xác định rõ khách hàng là ai và quyết định thực hiện chính sách thương mại như thế nào. Do vậy, để thẩm định độ rủi ro cần có sự phân tích đánh giá khả năng trả nợ và uy tín của khách hàng, nhất là với những khách hàng tiềm năng. Trên cơ sở đó quyết định hình thức hợp đồng.

- ***Xác định điều kiện thanh toán***

Công ty cần quyết định thời hạn thanh toán và tỷ lệ chiết khấu thanh toán một cách hợp lý. Chiết khấu thanh toán là phần giảm trừ một số tiền nhất định cho khách hàng khi khách hàng trả tiền trước thời hạn thanh toán. Chiết khấu thanh toán được xác định bằng một tỷ lệ phần trăm tính theo doanh số mua hàng ghi trên hoá đơn. Việc tăng tỷ lệ chiết khấu thanh toán sẽ thúc đẩy khách hàng thanh toán sớm trước hạn và thu hút thêm được khách hàng mới làm tăng doanh thu, giảm chi phí thu hồi nợ nhưng sẽ làm giảm số tiền thực thu. Vì vậy, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi cần cân nhắc tỷ lệ chiết khấu cho phù hợp.

- ***Thiết lập một hạn mức tín dụng hợp lý***

Quản lý nợ phải thu là nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Vì vậy, Công ty nên chấp nhận đơn xin cấp tín dụng của những khách hàng nếu có cơ hội trở thành khách hàng thường xuyên và đáng tin cậy của Công ty. Trong trường hợp khách hàng có uy tín thấp hoặc đáng nghi ngờ, Công ty cần ấn định một hạn mức tín dụng hạn chế để tránh rủi ro.

- ***Thường xuyên kiểm soát nợ phải thu***

Công ty phải mở sổ theo dõi chi tiết nợ phải thu và tình hình thanh toán với khách hàng, thường xuyên xem xét, đánh giá tình hình nợ phải thu và dự đoán nợ phải thu từ khách hàng. Đối với khách hàng cá nhân, Công ty cũng cần lập hợp đồng một cách rõ ràng, tránh tình trạng khách hàng trốn nợ.

- ***Áp dụng các biện pháp thích hợp thu hồi nợ và bảo toàn vốn***

Đối với các khoản nợ sắp đến kỳ hạn thanh toán, Công ty phải chuẩn bị các chứng từ cần thiết đồng thời thực hiện kịp thời các thủ tục thanh toán, nhắc nhở, đôn đốc khách hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn, Công ty phải chủ động áp dụng các biện pháp tích cực và thích hợp để thu hồi. Bên cạnh đó, Công ty phải tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn và có thể chia nợ quá hạn thành các giai đoạn để có biện pháp thu hồi thích hợp.

Ngoài ra, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để chủ động bảo toàn vốn ngắn hạn phải dựa trên cơ sở là thời gian quá hạn trả nợ và tổng mức nợ của khách hàng. Công ty cần chia thời gian quá hạn trả nợ và tổng nợ ra các mức khác nhau, tương ứng với mỗi mức sẽ có tỷ lệ trích lập dự phòng phù hợp. Mặt khác, việc thường xuyên nhận định, đánh giá về khoản phải thu sẽ nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động thu nợ.

Tóm lại, quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, thúc đẩy công tác thanh toán nợ là một trong những biện pháp tháo gỡ khó khăn về vốn, giảm lượng vốn ứ đọng ở khâu thanh toán, nhanh chóng thu hồi và quay vòng vốn, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

3.2.2.2. Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho

Trong thời gian qua, mức dự trữ nguyên vật liệu chưa hợp lý và có xu hướng tăng, đặc biệt là năm 2013 có hàng tồn kho tăng mạnh. Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục, việc dự trữ nguyên vật liệu là hết sức cần thiết nhưng cũng phải có chiến lược dự trữ nguyên vật liệu một cách hợp lý. Lượng hàng tồn kho này liên quan đến các chi phí như: chi phí bốc xếp, bảo hiểm, chi phí do giảm giá trị hàng hoá trong quá trình dự trữ, chi phí hao hụt, mất mát, chi phí bảo quản, chi phí trả lãi tiền vay,...

Hiện tại, Công ty chưa áp dụng một mô hình hay phương pháp quản lý việc cung cấp hay dự trữ nguyên vật liệu cụ thể nào mà chỉ quản lý theo kinh nghiệm, việc đặt hàng với khối lượng như thế nào, lượng dự trữ trong kho bao nhiêu chưa được quản lý một cách khoa học và bài bản. Vì vậy, Công ty cần nghiên cứu, lựa chọn phương pháp quản lý tồn kho một cách thích hợp. Để quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, Công ty cần quản lý thông qua định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức tồn kho nguyên vật liệu và công tác mua sắm nguyên vật liệu.

- ***Xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu***

Công ty cần xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó xác định định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho toàn Công ty nhằm kiểm soát được định mức tiêu hao một cách toàn diện, đồng thời

kiểm soát được chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty. Việc đưa ra định mức tiêu hao nguyên vật liệu cần đi kèm với cơ chế tiền lương phù hợp để thúc đẩy cán bộ công nhân viên trong Công ty tăng cường tiết kiệm, nỗ lực tìm tòi và phát huy sáng kiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả quản lý.

Định mức tiêu hao nguyên vật liệu cần được thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh cho phù hợp đảm bảo vừa tiết kiệm chi phí mà vẫn cung cấp cho khách hàng sản phẩm, dịch vụ chất lượng.

- ***Xác định mức tồn kho nguyên vật liệu***

Đây là việc xác định mức tồn kho tối đa và tối thiểu để đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục và không gây tổn động vốn cho Công ty. Công ty cần xác định rõ danh mục các loại nguyên vật liệu cần dự trữ, nhu cầu số lượng, thời gian cung cấp.

- ***Công tác mua sắm nguyên vật liệu***

Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu nguyên vật liệu, bộ phận vật tư sẽ nghiên cứu, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán, ký kết hợp đồng, quản lý việc cung cấp và kiểm tra chất lượng. Yêu cầu trong quá trình mua sắm nguyên vật liệu này là phải tăng cường quản lý nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các hiện tượng tiêu cực. Với nguồn cung ứng ngày càng đa dạng, Công ty cần luôn cập nhật thông tin về thị trường để lựa chọn được nguồn cung cấp với chi phí thấp nhất, chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

- ***Kiểm kê, phân loại nguyên vật liệu***

Để nâng cao hiệu quả trong việc quản lý hàng tồn kho, hoạt động kiểm kê, phân loại nguyên vật liệu là hết sức cần thiết. Công ty cần quan tâm hơn trong hoạt động này đồng thời theo dõi tình hình nguyên vật liệu tồn kho không sử dụng, nguyên vật liệu kém chất lượng, từ đó đưa ra quyết định xử lý vật tư một cách phù hợp nhằm thu hồi vốn và tăng hiệu quả sử dụng tài sản.

- ***Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải căn cứ vào sự đánh giá nguyên vật liệu khi kiểm kê và giá cả thực tế trên thị trường.

Để hoạt động quản lý nguyên vật liệu đạt hiệu quả đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ phận trong Công ty. Bộ phận lập kế hoạch sử dụng phải sát với nhu cầu thực tế, xác định lượng dự trữ an toàn, chính xác. Bộ phận cung ứng phải cung cấp, đúng, đủ và kịp thời đồng thời quản lý chặt chẽ, kiểm kê thường xuyên.

Như vậy, quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng cũng như dự trữ hợp lý nguyên vật liệu sẽ giúp Công ty giảm được chi phí tồn kho, tránh tình trạng ứ đọng vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

3.2.2.3. Quản lý tiền mặt một cách hiệu quả, chặt chẽ

Quản lý tiền mặt là quản lý tiền giấy, tiền gửi ngân hàng và các loại tài sản gắn với tiền mặt như các loại chứng khoán có khả năng thanh khoản cao. Các loại chứng khoán gần như tiền mặt giữ vai trò như một “bước đệm” cho tiền mặt, vì nếu số dư tiền mặt nhiều Công ty có thể đầu tư vào chứng khoán có khả năng thanh khoản cao, nhưng khi cần thiết cũng có thể chuyển đổi chúng sang tiền mặt một cách dễ dàng và ít tốn kém chi phí. Do đó, căn cứ vào nhu cầu sử dụng tiền mặt, Công ty cần cân nhắc lượng tiền mặt dự trữ và lượng tiền đầu tư cho các chứng khoán này một cách hợp lý nhằm tối ưu hoá lượng tiền nắm giữ.

3.2.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi

3.2.3.1 Đẩy nhanh tiến độ xử lý các tài sản

Trong Công ty hiện còn tồn tại nhiều loại máy móc thiết bị đã được khấu hao hết mà chưa thanh lý được, việc chưa thanh lý được đã làm cho doanh nghiệp mất một khoản chi phí để bảo quản, quản lý phòng tài chính kế toán. Làm cho việc hạch toán phát sinh thêm nhiều chi phí không có ích. Để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản bên cạnh việc đưa máy móc thiết bị mới vào sử dụng cần phải nhanh chóng xử lý các tài sản, vật tư đã khấu hao hết, không có giá trị hay không có nhu cầu sản xuất với các tài sản đó.

Do vậy, Công ty cần tổ chức nhanh chóng việc thanh lý, nhượng bán các tài sản này một cách dứt điểm những. Để phục hồi nhanh lượng vốn để tiến hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

3.2.3.2 Thẩm định dự án trước khi quyết định đầu tư vào tài sản dài hạn

Đối với một công ty hay doanh nghiệp bất kỳ nào cũng vậy, phải có chiến lược và kế hoạch hoạt động cụ thể. Đối với việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định cũng vậy, Công ty luôn cần có một bản kế hoạch rõ ràng thì việc thực hiện nó dễ hơn nhiều. Khi làm được điều đó thì hiệu quả sử dụng tài sản cố định sẽ nâng cao hơn nhiều. Đặc biệt là tận dụng được hết yếu tố sẵn có của Công ty, đồng thời thu hút được nhiều nhà đầu tư, giải quyết vấn đề vốn.

Trong chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tới cũng có đề cập tới việc tận dụng tối đa tài sản cố định chưa sử dụng (đất đai, nhà xưởng, máy móc, thiết bị) nhưng việc này Công ty lại chưa vạch ra được kế hoạch cụ thể, chi tiết, hình thức đầu tư như thế nào, thời gian tiến hành là bao giờ, cần bao nhiêu vốn... để tiến hành được hiệu quả thì Công ty cần cụ thể hoá việc đầu tư theo từng giai đoạn.

Để lập ra một bản kế hoạch có tính thực tiễn cao thì người làm ra nó phải có đủ năng lực: Trình độ chuyên môn, khả năng phân tích tình hình và một yếu tố không thể thiếu là thông tin. Nguồn thông tin để lập kế hoạch phải thu thập từ nguồn chính xác,

và kịp thời. Hiện nay Công ty đầu tư vào tu bổ nhà xưởng, đó là cải tạo một số nhà kho cũ và xây dựng thêm một số nhà kho mới. Nhưng việc đầu tư này thực sự chưa cần thiết vì nhà kho chỉ là nơi lưu giữ bảo quản sản phẩm nó không tạo ra được doanh thu cho Công ty.

Do vậy để công tác này có hiệu quả thì Công ty cần:

- Có những định hướng đúng trong công tác đầu tư, xây dựng. Lựa chọn những tài sản cố định cần thiết để tu bổ cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh.

- Mỗi một ý định mà Công ty muốn thực hiện cần phải có kế hoạch thực hiện cụ thể để quá trình thực hiện được đúng tiến trình như: Vốn cần bao nhiêu? Thời gian đầu tư từng giai đoạn? Lợi ích mang lại?

3.2.3.3. Tăng cường hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp tài sản cố định

Công ty chưa tích cực sử dụng những tài sản không cần dùng đến, đã hư hỏng một phần hoặc chờ thanh lý. Công ty chưa có thái độ chủ động sửa chữa, nâng cấp tài sản để phục vụ cho quá trình sản xuất mà để nằm im trong kho, chỉ quan tâm mua sắm tài sản cố định mới, gây lãng phí nguồn lực. Vì vậy, đối với TSCĐ phải quản lý chặt chẽ, có hệ thống, phân rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể đến từng bộ phận. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý kết hợp với hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng nâng cấp tài sản cố định thường xuyên sẽ giúp công ty khai thác hết máy móc thiết bị, duy trì được năng lực sản xuất, kéo dài thời gian hoạt động, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Tài sản cố định của Công ty được phân loại theo những tiêu chí nhất định như: tài sản cố định đang sử dụng, chưa đưa vào sử dụng, không cần dùng, chờ nhượng bán thanh lý, đang cho thuê và mượn. Việc xác định rõ này giúp Công ty nắm được tình hình năng lực của tài sản cố định và có những kế hoạch sản xuất phù hợp.

Cần đánh giá thường xuyên giá trị tài sản cố định, tạo điều kiện tính đúng, tính đủ chi phí khấu hao cũng như phản ánh chính xác tính hình biến động vốn cố định. Đặc biệt với các công trình xây dựng dở dang, công ty cần tiến hành nhiều biện pháp để có thể đẩy nhanh tiến độ công trình nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng của công trình.

Thực hiện tốt chế độ bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định, xây dựng kế hoạch nâng cấp tài sản cố định để duy trì năng lực sản xuất, kéo dài tuổi thọ tài sản cố định, tránh tình trạng tài sản cố định hư hỏng trước thời hạn hoặc hư hỏng bất thường làm gia tăng chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

Việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định đòi hỏi Công ty phải sử dụng tài sản cố định hết được công suất, vừa phải có thời gian chạy máy thích hợp, bảo đảm không có quá tải. Do vậy kế hoạch cho việc sử dụng tài sản cố định là rất quan trọng.

Tiến hành lấy số liệu này làm cơ sở tiến hành kiểm tra, lập kế hoạch tu bổ, sửa chữa bảo dưỡng tài sản cố định. Từ việc nắm bắt tình hình này đưa ra kế hoạch đầu tư mới và thanh lý tài sản cố định hỏng không thể sửa chữa được. Thông qua đó đánh giá lại tài sản cố định, giám định tài sản cố định mua mới.

Giao trách nhiệm quản lý tài sản cố định cho từng nhà xưởng, các đội trong Công ty. Tại đây tài sản cố định được theo dõi thường xuyên, chủng loại, số lượng, tình hình sử dụng. Từ đó làm tăng trách nhiệm đối với các đơn vị quản lý tài sản cố định được giao, từ đó đưa ra các cơ chế thưởng phạt.

Giao cho phòng Tài chính của Công ty kế toán mở sổ sách, lập thẻ tài sản theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, lập khấu hao tài sản, thanh lý kiểm kê về mặt giá trị. Công ty trang bị hệ thống vi tính để việc quản lý tài sản thực hiện được dễ dàng hơn.

Ngoài ra Công ty cũng cần phải chú trọng tới các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản cố định của Công ty. Ta thấy chỉ tiêu của Công ty qua các năm là còn chưa cao, đặc biệt năm 2012 các chỉ tiêu còn có xu hướng đi xuống. Vì vậy, Công ty cần có biện pháp để nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản cố định, hạn chế đầu tư tràn lan chỉ đầu tư vào những tài sản thực sự cần cho Công ty.

3.3 Kiến nghị

Để có thể đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản thì bên cạnh nỗ lực của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi trong việc tổ chức thực hiện các giải pháp trên còn rất cần sự hỗ trợ của những chính sách đúng đắn của Nhà nước.

- Ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục kiềm chế lạm phát

Tỷ lệ lạm phát 2013 đạt mức thấp 6,2%. Năm 2013, nhà nước đã có các chính sách kiểm soát lạm phát, ổn định nền kinh tế nhưng kết quả kiểm soát lạm phát chỉ mang tính tạm thời, không ổn định và chưa vững chắc, các yếu tố gây nên lạm phát cao chưa giải quyết được gốc rễ. Đặc biệt là các nguyên nhân khách quan của nền kinh tế, gây áp lực tạo nên lạm phát cao ở nước ta vẫn còn nguyên.

Như vậy, thách thức lớn nhất đối với vấn đề kiểm soát lạm phát, điều hành chính sách tiền tệ và tập trung nâng cao mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2014 và những năm tới là từ các yếu tố gây nên lạm phát chi phí đẩy chứ không phải nguy cơ từ các yếu tố cầu kéo và các nguyên nhân khác. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận vấn đề một cách căn cơ để việc kiềm chế lạm phát mang tính ổn định và không phụ thuộc các yếu tố chủ quan. Khi lạm phát được kiểm soát, tỷ giá hối đoái được ổn định thì các chi phí đầu vào của Công ty như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí quản lý, chi phí đầu tư tài sản cố định... cũng sẽ ổn định theo giúp Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh như đã định, giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Một chính sách tiền tệ

hợp lý còn giúp cho lãi suất tín dụng được ổn định, hợp lý tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi nói riêng đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động và ngày càng phát triển.

- ***Hoàn thiện ngân hàng và tổ chức tín dụng***

Hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng cần được hoàn thiện, đa dạng hóa các nghiệp vụ chuẩn bị mọi thứ cần thiết khác để có thể trở thành trung gian tài chính thực sự cho công ty khi thị trường chứng khoán đi vào hoạt động mạnh, điều này sẽ giúp cho việc huy động vốn và sử dụng tiền được dễ dàng và hiệu quả hơn.

Để vay được vốn tại các tổ chức tín dụng công ty phải tiếp cận rất khó khăn từ nguồn vốn đến thủ tục, các yếu tố về thế chấp.... do vậy các ngân hàng nhà nước cần tạo điều kiện để doanh nghiệp có thể tiếp cận được các nguồn vốn, thì hành chính sách tiền tệ hợp lý để giúp doanh nghiệp tránh tổn thất khi nhập khẩu nguyên vật liệu và máy móc.

- ***Bình ổn và phát triển thị trường chứng khoán***

Thị trường chứng khoán là một bộ phận rất quan trọng của thị trường tài chính. Sự phát triển của thị trường chứng khoán là điều kiện tiên quyết để thị trường tài chính phát triển. Để các doanh nghiệp có thể huy động vốn một cách dễ dàng và hiệu quả bằng cách phát hành cổ phiếu, trái phiếu chắc chắn phải có nền tảng hỗ trợ là một thị trường chứng khoán phát triển. Trong đó, tính thanh khoản của chứng khoán lưu hành trên thị trường là hết sức quan trọng. Nếu như các doanh nghiệp huy động vốn ban đầu trên thị trường sơ cấp thì trên thị trường thứ cấp, nơi các chứng khoán được mua bán lại, sẽ tạo ra tính thanh khoản của chứng khoán. Thị trường thứ cấp sôi động sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường sơ cấp. Do đó, các doanh nghiệp có thể dễ dàng phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn.

Trong điều kiện lạm phát được kiềm chế, lãi suất tiết kiệm giảm xuống, hiện còn ở mức thấp; chính sách tiền tệ, tài khoá có xu hướng nới lỏng, tăng trưởng tín dụng cao dồn vào cuối năm, lãi suất cho vay dần trở về như thời kỳ trước khủng hoảng; thị trường bất động sản chưa hồi phục, thị trường vàng đã kết thúc thập kỷ tăng và thị trường ngoại tệ tương đối ổn định hiện nay. Thực tế trong thời gian qua, thị trường chứng khoán tại Việt Nam đã có sự khởi sắc, phát triển nhất định, trở thành tâm điểm chú ý của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Lượng chứng khoán niêm yết, giao dịch tăng mạnh, số lượng các nhà đầu tư cũng như các công ty chứng khoán ngày càng tăng. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa thực sự trở thành kênh huy động vốn hữu hiệu cho các doanh nghiệp bởi nó còn tiềm ẩn nhiều rủi ro như rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro kinh doanh và rủi ro kinh tế. Các công ty

chứng khoán chưa đóng vai trò nhà tạo lập thị trường quan trọng trên thị trường, các nhà đầu tư phần lớn là cá nhân nhìn chung chưa có tính chuyên nghiệp, hành vi đầu tư thường mang tính ngắn hạn, gây biến động mạnh về giá và làm giảm độ tin cậy đối với thị trường, nhất là trong bối cảnh mức độ công khai, minh bạch của thị trường chưa cao như hiện nay.

Do đó, để bình ổn và phát triển thị trường chứng khoán thực sự trở thành kênh huy động vốn hữu hiệu cho các doanh nghiệp, Nhà nước cần có các biện pháp nhằm tăng cường minh bạch hoá thông tin, hoàn thiện vấn đề quản trị điều hành, hoàn thiện hệ thống luật pháp, cải thiện điều kiện giao dịch, tránh các biện pháp giao dịch hành chính. Từ đó, các doanh nghiệp có thể tăng cường vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

- ***Cải cách thủ tục hành chính của Nhà nước***

Các thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay vẫn còn rườm rà gây ra cho doanh nghiệp một số khó khăn khi xin cấp phép đầu tư các dự án hay thủ tục đăng ký. Làm cho doanh nghiệp mất nhiều thời gian và có thể làm mất đi cơ hội kinh doanh của Công ty. Vì vậy để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thì Nhà Nước cần hoàn thiện hơn công tác thủ tục hành chính để doanh nghiệp tiến hành được nhanh chóng, thuận lợi và minh bạch hơn.

Thực tế cho thấy, thị trường xây dựng của Việt Nam hiện nay đang hình thành một cách tự phát, các công ty chưa có sự hiểu biết rõ về thị trường xây dựng và cách vận hành của nó. Thị trường hoạt động thiếu công bằng: hối lộ để thắng thầu, bán thầu rồi tìm cách nâng giá quyết toán,... Do vậy các cấp có thẩm quyền cần xây dựng khung pháp lý thật công khai, minh bạch và công bằng nhằm tạo cho các công ty được bình đẳng trong cạnh tranh và đảm bảo an toàn hệ thống, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn, hình thành môi trường lành mạnh, xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các công ty và loại bỏ hình thức bảo hộ, bao cấp trong lĩnh vực xây dựng.

- ***Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý tài chính và thuế***

Các cơ quan quản lý cần ban hành hệ thống quy chế quản lý phù hợp với đặc điểm của các doanh nghiệp. Trong các quy định hiện hành thì khi khách hàng chấp nhận trả tiền thì tính ngay vào doanh thu. Tuy nhiên hiện nay trong nền kinh tế thị trường thì vốn của các doanh nghiệp bị chiếm dụng là điều tất yếu, nhất là đối với các doanh nghiệp thương mại thì thường khách hàng mua chịu từ 15 đến 30 ngày, như vậy khi khách hàng chấp nhận trả tiền đến khi công ty nhận được tiền có một khoảng thời gian khá lớn, đây là chưa kể đến thời hạn thanh toán có thể bị kéo dài thêm do người mua không thể thanh toán đúng hạn. Luật thuế hiện hành đều dựa trên doanh số phát

sinh trong kỳ, không phân biệt đã thu tiền hay chưa, kể cả khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn theo nguyên tắc đó. Chính điều này gây ra không ít khó khăn cho công ty. Vì vậy, Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền cần nên có các giải pháp tích cực hơn trong công tác hướng dẫn các đơn vị kinh doanh trong quá trình thi hành luật thuế, đặc biệt là quản lý và hoàn thiện hệ thống chứng từ. Bên cạnh đó, Cục thuế nên hình thành đội ngũ thanh tra, giám sát việc chấp hành thuế một cách chặt chẽ, nghiêm ngặt song không vì thế mà tạo ra sự phiền phức trong quá trình xét hoàn thuế gây tổn động vốn của công ty.

- ***Đổi mới công nghệ***

Mặc dù việc ứng dụng công nghệ có bước phát triển về chất trong thời gian qua, song so với các công ty ở những nước tiên tiến trên thế giới thì các công ty trong ngành xây dựng vẫn còn khoảng cách khá xa. Do đó, các công ty trong ngành xây dựng trong nước cần tiếp tục đổi mới, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, giảm bớt chi phí, tăng khả năng cạnh tranh và đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN

Muốn tồn tại và phát triển được trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường hiện nay, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản phải là nhiệm vụ và mục tiêu thường xuyên lâu dài của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi, không chỉ liên quan đến việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản mà còn liên quan đến quản lý tài chính dài hạn, đảm bảo cho tài sản của công ty được sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà công ty đã đề ra. Để làm được điều đó công ty phải biết kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động kinh doanh của công ty cũng như điều kiện kinh tế xã hội và những quy định quản lý của Nhà nước, tích cực học tập những kinh nghiệm, tri thức quản lý tiên tiến và biết vận dụng một cách linh hoạt các điều kiện của công ty mình. Sự nỗ lực và cố gắng của bản thân công ty phải là một nhân tố và động lực chủ đạo trong việc tìm kiếm, nâng cao năng lực tự chủ tài chính của công ty. Đồng thời tích cực tìm kiếm và khai thác có hiệu quả các tài sản khác. Lựa chọn phương thức tài trợ cho nhu cầu tài sản một cách khoa học, phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty trên cơ sở cân nhắc chi phí và rủi ro của mỗi phương thức tài trợ.

Như vậy, vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nói là một vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp. Trong những năm qua Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi đã có nhiều nỗ lực tích cực phấn đấu trong hoạt động kinh doanh, từng bước nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý và sử dụng tài sản. Tuy nhiên hiệu quả tổ chức, quản lý và sử dụng tài sản của công ty còn chưa tương xứng với khả năng và tiềm lực có thể và vẫn còn có những hạn chế nhất định.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản luôn gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên đó là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đang trong quá trình mở rộng và phát triển sản xuất. Việc sử dụng tài sản có hiệu quả sẽ nâng cao được mức doanh thu, mức lợi nhuận đạt được trên tổng tài sản bình quân, đảm bảo cho sự bảo đảm và phát triển tài sản. Đồng thời nó sẽ làm tăng sức mạnh về tài chính, tăng cường uy tín của công ty trên thị trường; là cơ sở nâng cao mức sống cho cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện thúc đẩy sự nỗ lực và cố gắng, trách nhiệm trong công việc.

Xuất phát từ thực tế hoạt động của công ty, em đã đi sâu phân tích thực trạng, tìm ra nguyên nhân, chỉ ra những hạn chế đồng thời đưa ra những kiến nghị đề xuất. Mặc dù chỉ là những ý kiến đề xuất đưa ra qua thời gian thực tập, nghiên cứu tại Công ty nhưng với mong muốn đóng góp phần nào vào sự phát triển của công ty, em hy

vọng rằng đề tài “ *Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Anh Khôi*” sẽ được nghiên cứu triển khai, áp dụng tại công ty và sẽ mang lại kết quả đáng mong đợi

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2014

Sinh viên:

Đỗ Thị Minh ngọc

PHỤ LỤC

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 - 2012
2. Bảng cân đối kế toán năm 2011 – 2012
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 - 2013
4. Bảng cân đối kế toán năm 2012 - 2013

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS-TS. Lưu Thị Hương (2005), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống Kê, tr. 150 – 200.
2. PGS-TS. Nguyễn Năng Phúc (2012), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. PGS-TS. Nguyễn Trọng Cơ (2009), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp – lý thuyết và thực hành*, NXB Tài Chính.
4. PGS-TS. Nguyễn Đình Kiệm (2007), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài Chính.
5. TS. Nguyễn Thanh Liêm (2007), *Quản trị tài chính*, NXB Thống Kê.
6. PGS-TS, Nguyễn Năng Phúc (2006), *Phân tích tài chính công ty cổ phần*, NXB Thống Kê.
7. Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2005.
8. Báo cáo thường niên của Công ty Cổ phần xây dựng Nền Móng Việt.
<http://stox.vn/kho-bao-cao/nganh.html>
<http://www.cophieu68.vn/>